

Báo cáo chiến lược đầu tư 1H2025

**Bất động sản, vàng, chứng khoán: thời cơ
vàng cho cổ phiếu**

MỤC LỤC

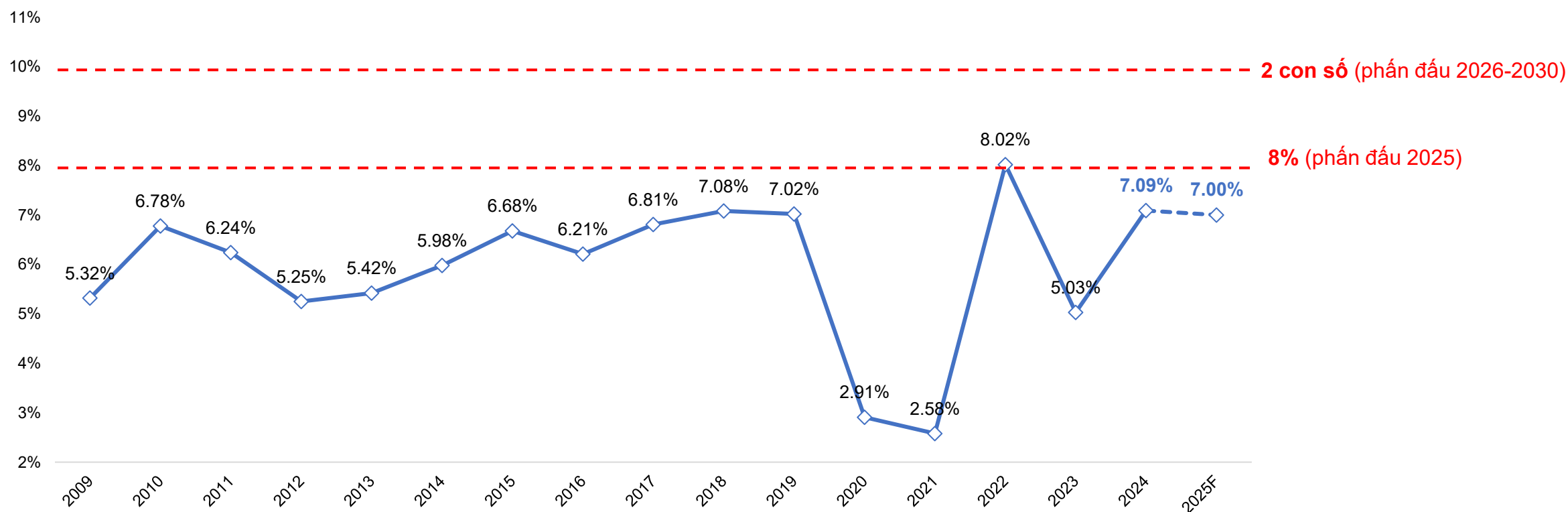
1. **Dự báo kinh tế 2025: Dồn toàn lực cho tăng trưởng**
2. Kinh tế vĩ mô quý 1H2025: Tăng trưởng cao trên nền lãi suất thấp
3. Mức thuế đối ứng với Mỹ
4. Diễn biến các loại hình tài sản ở Việt Nam?
5. Triển vọng Thị trường Chứng khoán Việt Nam
6. Khuyến nghị nhóm ngành và top cổ phiếu

Việt Nam – Ưu tiên chính sách: Dồn mọi nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế

Thủ tướng Phạm Minh Chính:

- Ngày 01/12/2024: Phần đầu tăng trưởng GDP cả nước năm 2025 **đạt trên 8%**, tăng trưởng GRDP của địa phương tối thiểu ở mức 8 - 10%, tạo đà đạt tăng trưởng **hai con số giai đoạn 2026 – 2030**.
- Ngày 31/12/2024: Phần đầu tăng trưởng 2025 ở mức 2 con số

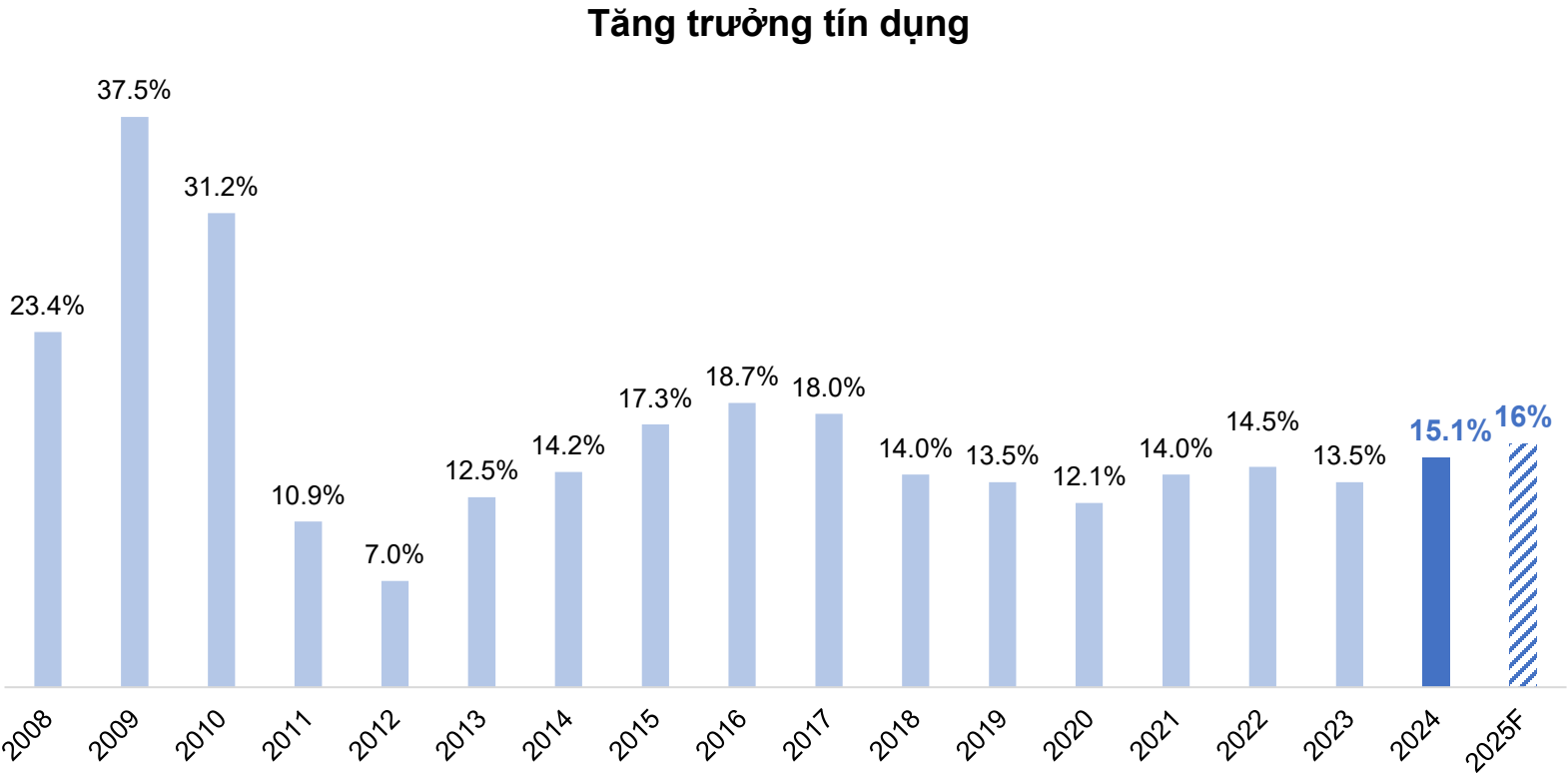
Tăng trưởng GDP Việt Nam



Chính sách tiền tệ 2025: tăng trưởng tín dụng cao + duy trì lãi suất thấp

4 NHNN (VCB BID CTG Agribank) chiếm ~44.7% thị phần tín dụng toàn nền kinh tế vẫn đang duy trì mức lãi suất rất thấp 4.6-4.8%

Thủ tướng: yêu cầu kiểm soát chặt lãi suất huy động, giảm mặt bằng lãi cho vay để đáp ứng nhu cầu vốn nền kinh tế (Ngày 17/12/2024)

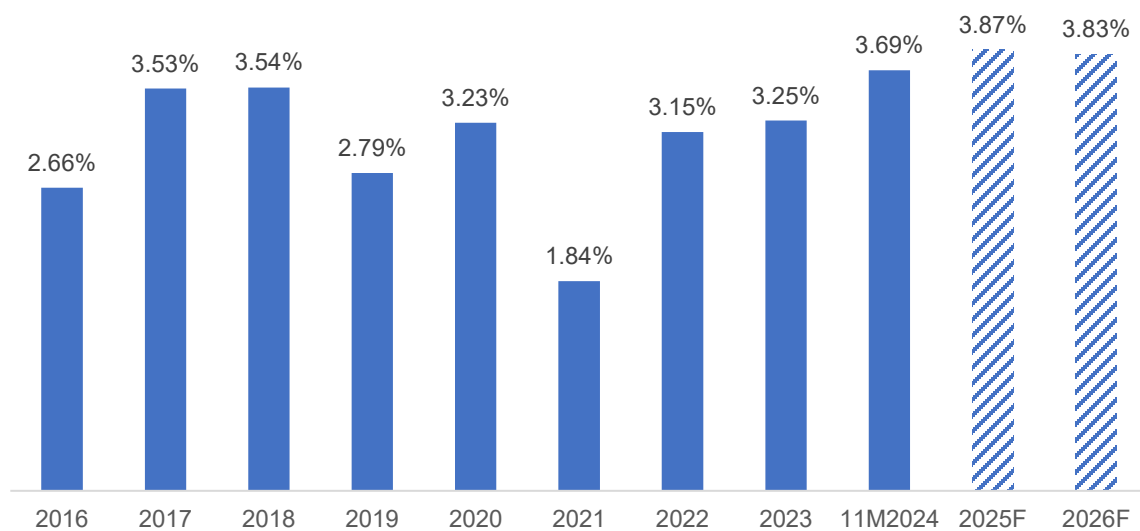


NGÂN HÀNG	12 THÁNG
VIETCOMBANK	4.6
BIDV	4.7
VIETINBANK	4.7
AGRIBANK	4.8
TECHCOMBANK	4.85
ACB	4.9
SEABANK	5.0
MB	5.1
PVCOMBANK	5.1
EXIMBANK	5.2
OCB	5.3
TPBANK	5.3
SACOMBANK	5.4
LPBANK	5.5
PGBANK	5.5
SHB	5.5
VPBANK	5.5
HDBANK	5.6
VIETBANK	5.6
BAC A BANK	5.6
NAM A BANK	5.6
KIENLONGBANK	5.7
VIET A BANK	5.7
DONG A BANK	5.8
NCB	5.8
OCEANBANK	5.8
BAOVIETBANK	5.8
SAIGONBANK	5.8
CBBANK	6.0
ABBANK	6.0
BVBANK	6.0

Áp lực lạm phát trong năm 2025 là không lớn

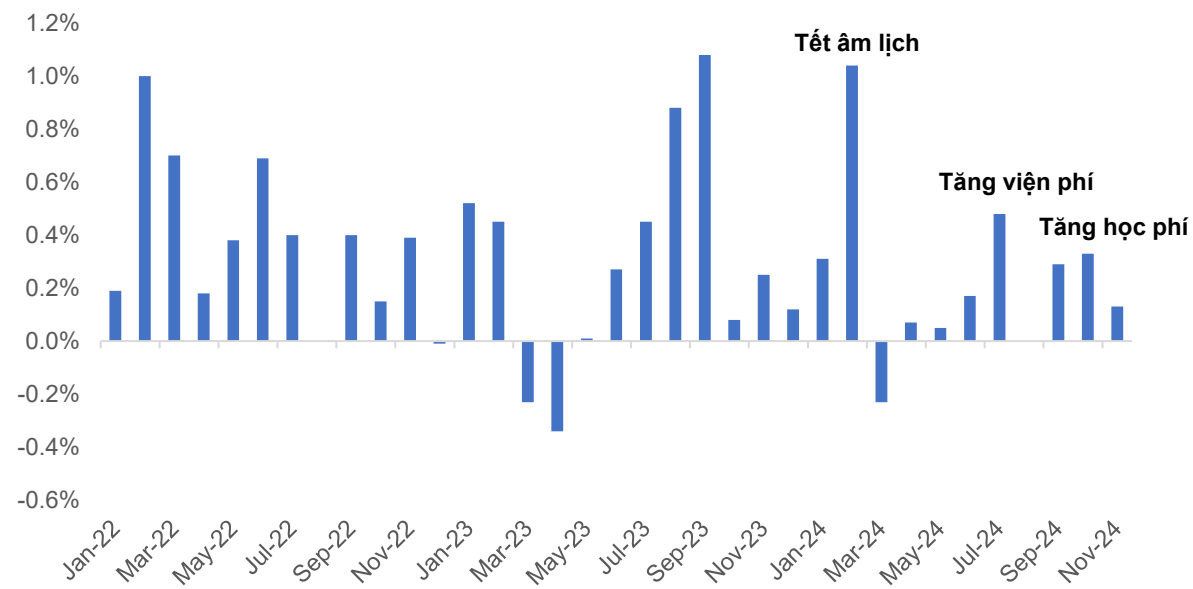
- Giá dầu đang ở mức thấp và được dự báo tiếp tục giảm trong năm 2025:
 - + Macquarie: Dầu WTI giảm xuống mức trung bình **70.5** USD/thùng (so với mức **79.64** USD/thùng năm 2024)
 - + World bank: Dầu Brent giảm từ 84 USD/thùng xuống 79 USD/thùng
- Lạm phát thế giới đang suy giảm
- Năm 2024, các yếu tố chính ảnh hưởng tới lạm phát tại Việt Nam là viện phí, học phí - đều là yếu tố có thể nằm trong khả năng kiểm soát của Chính phủ. Do đó, nếu diễn biến giá các mặt hàng khác tăng ngoài dự kiến, Chính phủ hoàn toàn có thể ngừng tăng viện phí và học phí trong năm 2025 để đảm bảo mức lạm phát chung của nền kinh tế trong năm 2025.

Lạm phát theo năm



Nguồn: NHNN

Lạm phát theo tháng



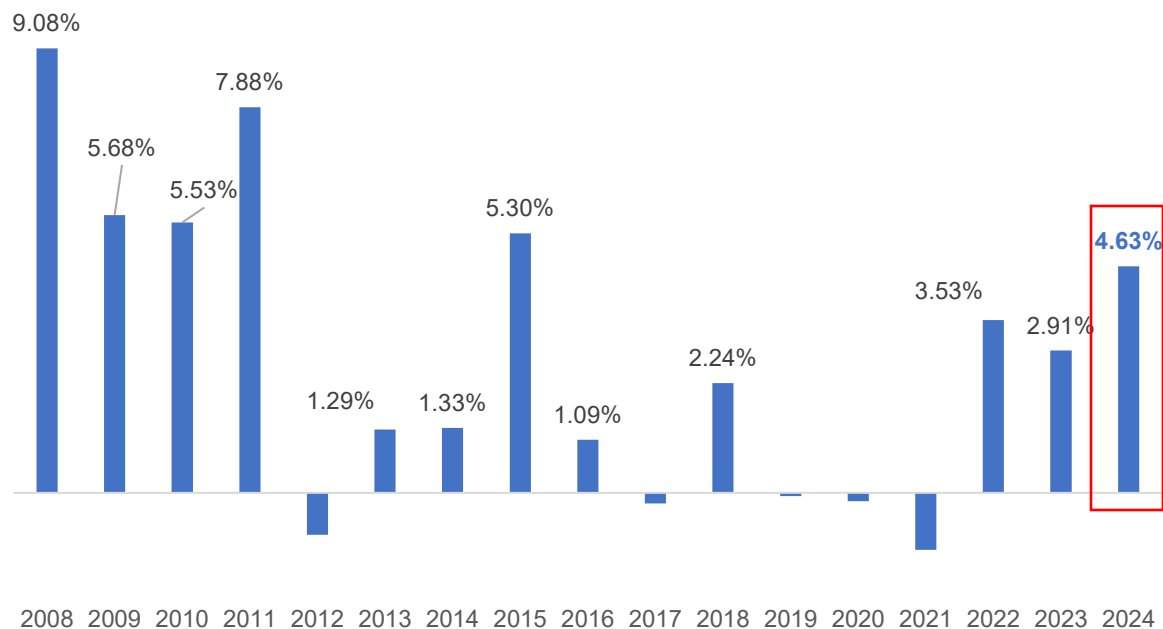
Nguồn: FiinProX

Tỷ giá USD/VND - Đúng là nỗi lo lớn nhất

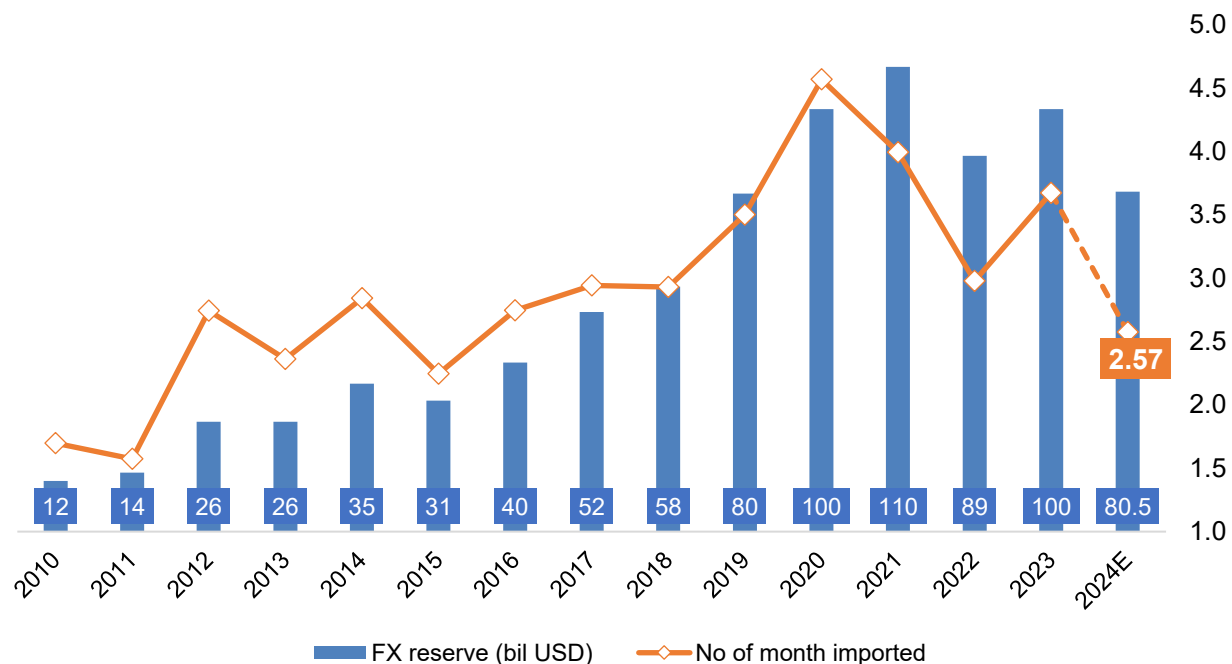
- Tỷ giá bán ra tại Vietcombank đã tăng 4.63% trong năm 2024
- Áp lực tỷ giá trong năm 2025 vẫn ở mức rất cao do:
 - Chính sách kinh tế trong nhiệm kỳ Trump 2.0 vẫn là ưu tiên tăng trưởng kinh tế cho nước Mỹ
 - Fed duy trì chính sách lãi suất cao, khiến chỉ số DXY tăng cao

Phó Thống đốc NHNN Đào Minh Tú: "Cuối năm, tỷ giá tăng khoảng 5.03%, chúng tôi đánh giá là mức hài hòa, đảm bảo doanh nghiệp và nhà đầu tư không lo ngại, có tâm lý đầu cơ và găm giữ USD".

Diễn biến tỷ giá USD/VND



Dự trữ ngoại hối và số tháng nhập khẩu



Năm 2022, Việt Nam đã chọn hy sinh lãi suất để cứu tỷ giá, hậu quả là gì?

1) Tăng trưởng GDP giảm mạnh chỉ còn 3.32% trong quý 1/2023

2) Vỡ bong bóng trái phiếu, đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp bất động sản, trong đó giá cổ phiếu PDR NVL giảm sàn nhiều phiên liên tiếp, mà hậu quả vẫn còn đến hiện tại

VIS Rating: 11 tháng 2024, 43 trái phiếu chậm trả gốc/lãi lần đầu với tổng giá trị là 23,200 tỷ đồng; trong năm 2023, con số này là 369 trái phiếu chậm trả gốc/lãi với tổng giá trị 144,300 tỷ đồng

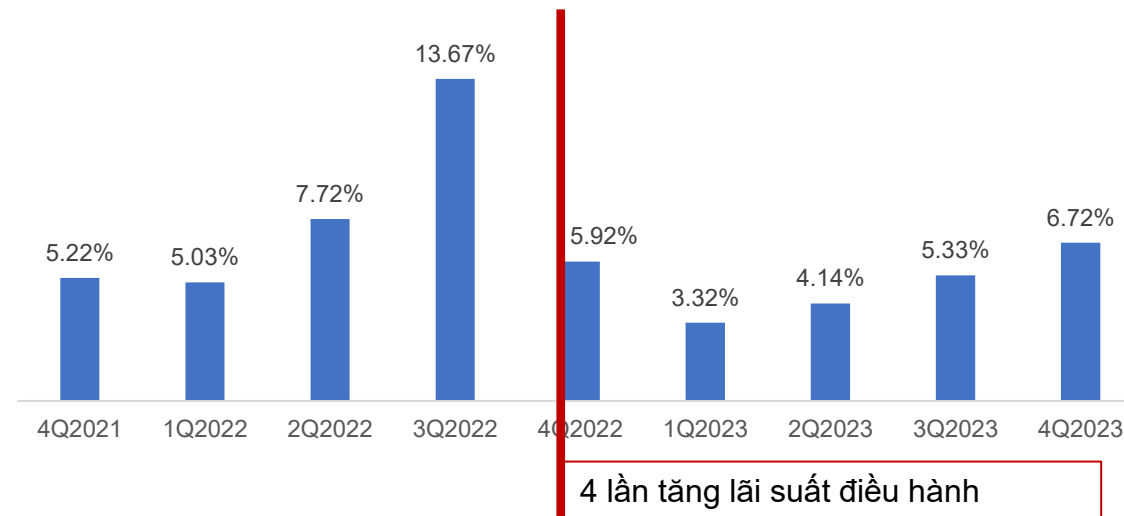
3) Hàng loạt lao động mất việc làm. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 5 tháng 2023: 509,903 người lao động bị ảnh hưởng việc làm như mất việc, thôi việc, giảm giờ làm, tạm hoãn hợp đồng lao động hoặc nghỉ không lương

4) Rút bảo hiểm xã hội hàng loạt

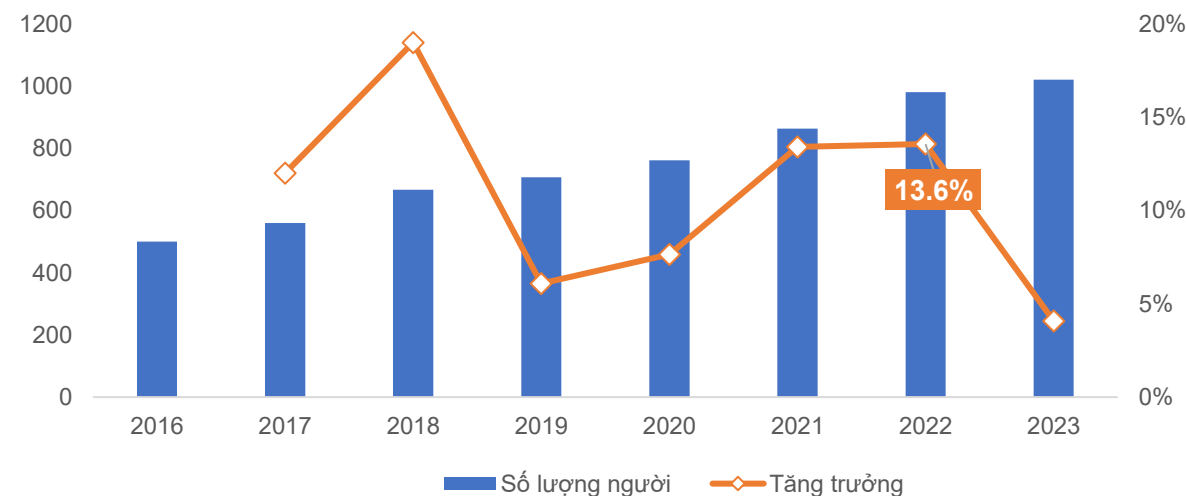
Thông điệp rõ ràng trong điều hành kinh tế Vĩ mô từ Chính phủ đang là: **tăng trưởng kinh tế**

Chúng tôi cho rằng, năm 2025, NHNN sẽ không tăng lãi suất điều hành, dù tỷ giá vẫn sẽ gặp nhiều áp lực

Tăng trưởng GDP năm 2022-2023



Số người rút BHXH 1 lần



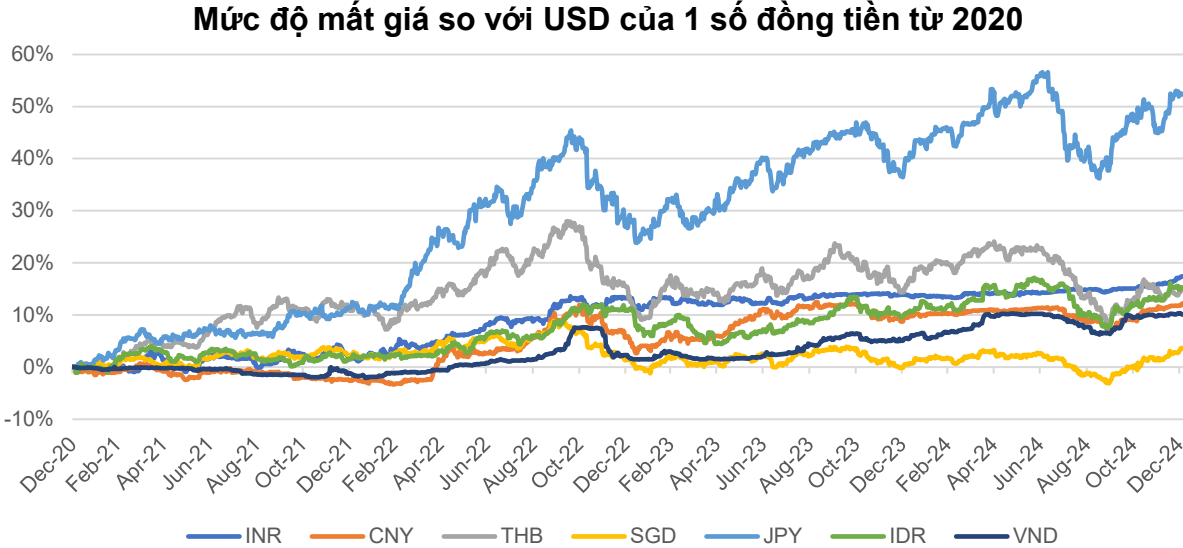
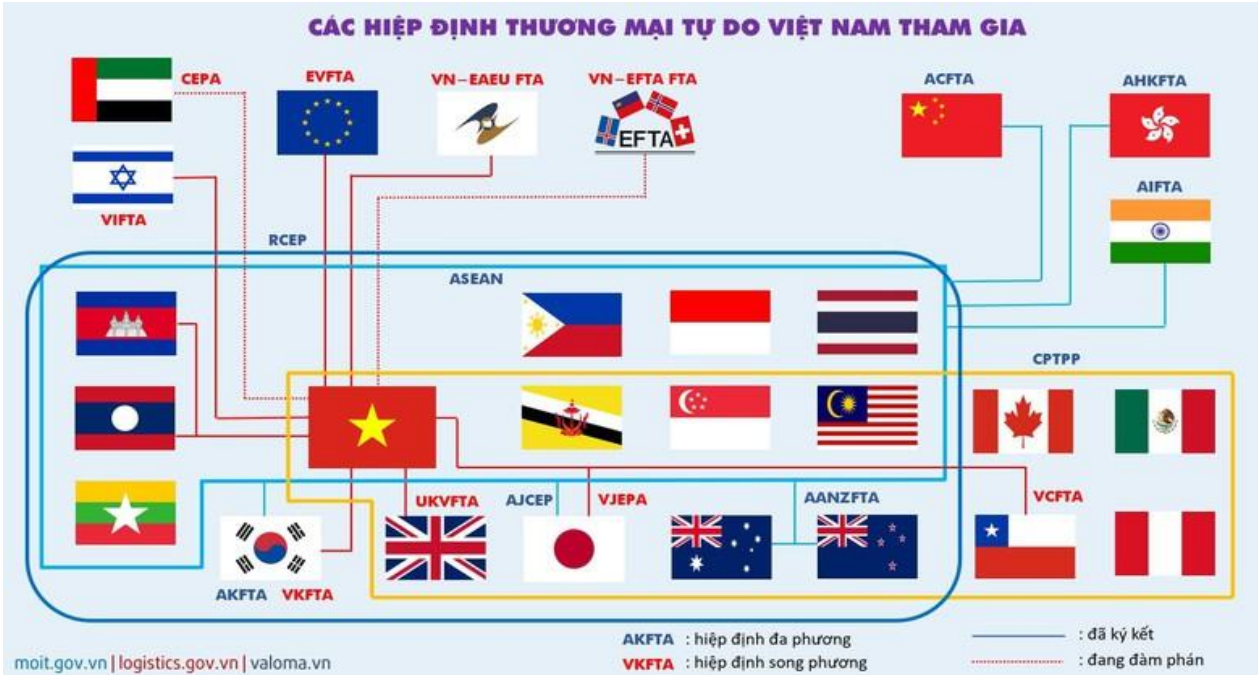
Nguồn: Bộ Lao động thương binh và Xã hội

FDI – Không đến Việt Nam thì họ đi đâu?

- Gần như đồng tiền của tất cả các nước đều mất giá so với USD trong 4 năm qua
- Hơn nữa, Việt Nam đang là **đối tác chiến lược toàn diện với 9 nước** trên thế giới, trong đó có Mỹ, Trung Quốc là 2 nước lớn nhất thế giới
- Hàng loạt FTA Việt Nam đã ký kết



Giả sử VND mất giá ~5-7%/năm, điểm đến của dòng vốn FDI vẫn là Việt Nam



9 nước có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam		
Nước	Năm	Thứ hạng GDP trên thế giới năm 2023
Trung Quốc	May-08	2
Nga	Jul-12	11
Ấn Độ	Sep-16	5
Hàn Quốc	Dec-22	12
Mỹ	Sep-23	1
Nhật Bản	Nov-23	4
Australia	Mar-24	13
Pháp	Oct-24	7
Malaysia	Nov-24	36
New Zealand	Feb-25	52
Indonesia	Mar-25	17
Singapore	Mar-25	27
Thailand	May-25	29

MỤC LỤC

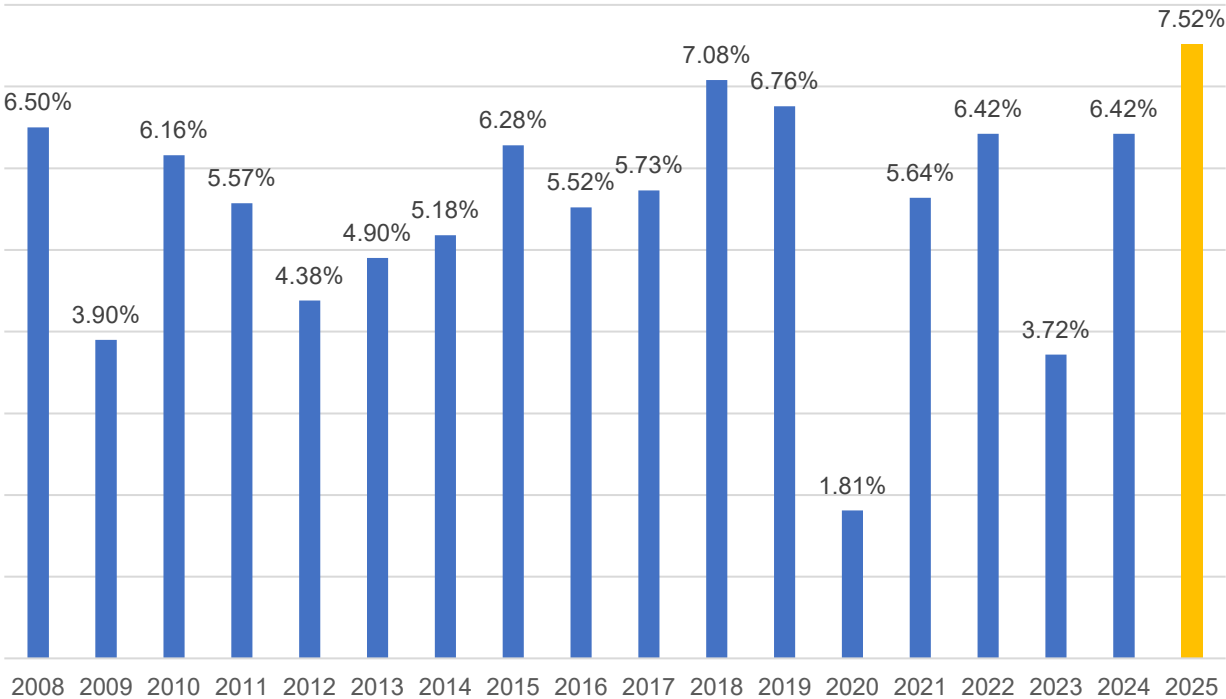
1. Dự báo kinh tế 2025: Dồn toàn lực cho tăng trưởng
- 2. Kinh tế vĩ mô 1H2025: Tăng trưởng cao trên nền lãi suất thấp**
3. Diễn biến các loại hình tài sản ở Việt Nam?
4. Triển vọng Thị trường Chứng khoán Việt Nam
5. Khuyến nghị nhóm ngành và top cổ phiếu

GDP 6 tháng tăng cao nhất kể từ năm 2008

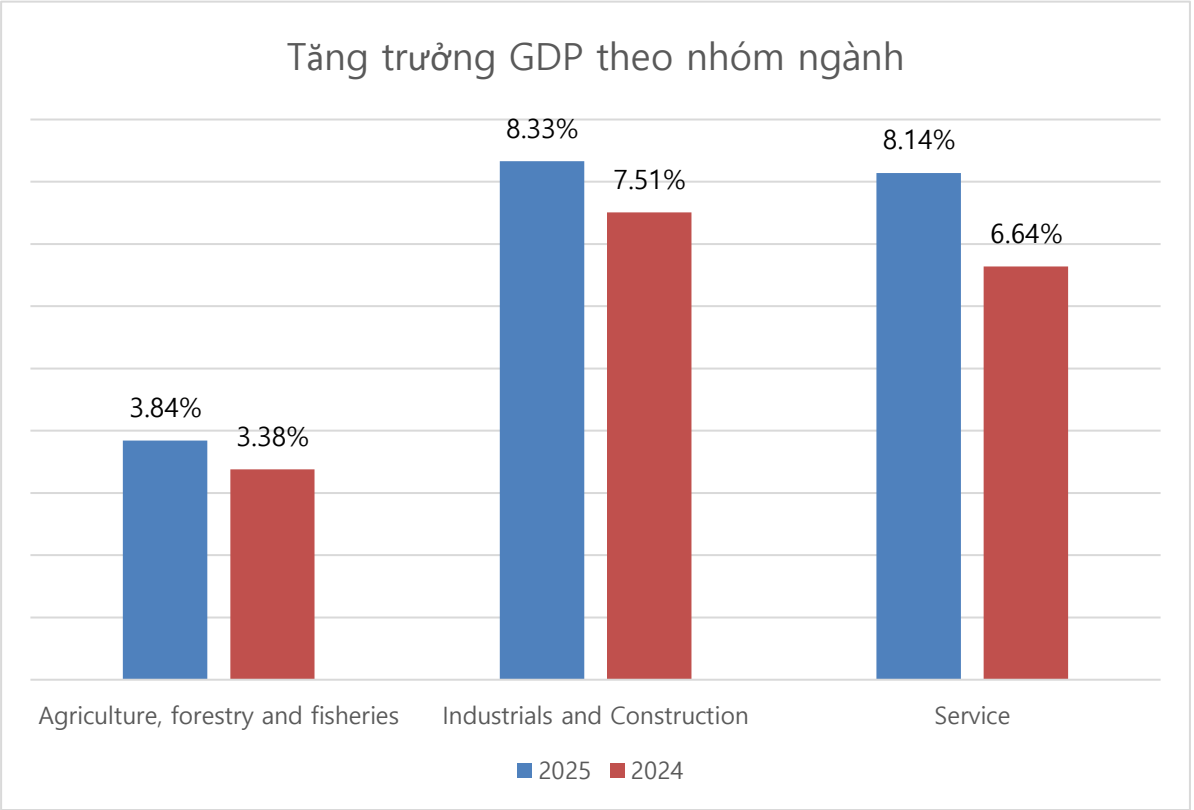
Lý do tăng trưởng:

- Cả 3 nhóm ngành (Nông nghiệp, công nghiệp, và dịch vụ) đều có sự tăng trưởng tốt so với cùng kỳ

Tăng trưởng GDP 6 tháng



Tăng trưởng GDP theo nhóm ngành

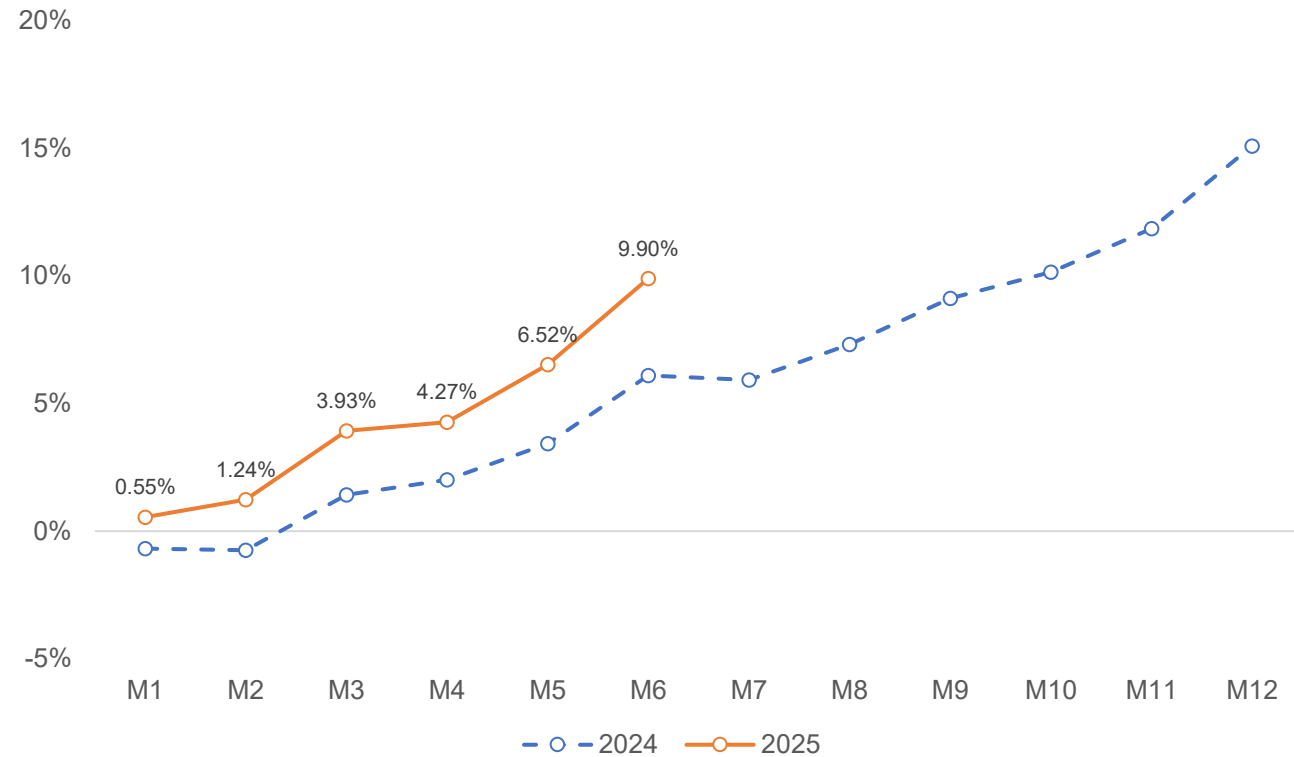


Lãi suất và tín dụng vẫn là động lực tăng trưởng

- Tăng trưởng tín dụng quý 1H2025 đạt 9.9%, gấp 1.6 lần so với mức tăng trưởng 6.1% của 1H2024
- Kế hoạch tăng trưởng tín dụng cả năm 2025 vẫn là 16%
- Trong quý 1/2025, có tới 23/26 ngân hàng giảm lãi suất so với cùng kỳ, và có 18/26 ngân hàng giảm lãi suất so với quý trước

		Lãi suất cho vay bình quân			So sánh	
		Q1-2024	Q4-2024	Q1-2025	Năm trước	Quý trước
VCB	Quốc doanh	5.4%	4.8%	4.7%	-0.64%	-0.02%
BID	Quốc doanh	5.9%	5.6%	5.1%	-0.79%	-0.46%
CTG	Quốc doanh	6.2%	5.7%	5.5%	-0.72%	-0.25%
ACB	Tư nhân lớn	6.8%	6.7%	6.2%	-0.61%	-0.53%
TCB	Tư nhân lớn	7.4%	6.7%	6.4%	-1.01%	-0.31%
MBB	Tư nhân lớn	7.3%	7.0%	7.0%	-0.24%	0.00%
STB	Tư nhân lớn	7.7%	7.0%	7.3%	-0.39%	0.31%
SHB	Tư nhân lớn	8.8%	9.4%	7.6%	-1.23%	-1.75%
HDB	Tư nhân lớn	10.6%	9.9%	9.2%	-1.34%	-0.70%
VPB	Tư nhân lớn	9.9%	9.8%	9.5%	-0.40%	-0.29%
PGB	Tư nhân nhỏ & vừa	6.1%	5.5%	5.9%	-0.15%	0.38%
EIB	Tư nhân nhỏ & vừa	6.5%	6.2%	6.1%	-0.40%	-0.09%
ABB	Tư nhân nhỏ & vừa	5.9%	6.0%	6.1%	0.17%	0.17%
MSB	Tư nhân nhỏ & vừa	6.7%	7.2%	6.4%	-0.23%	-0.79%
VBB	Tư nhân nhỏ & vừa	6.6%	6.6%	6.7%	0.01%	0.02%
SGB	Tư nhân nhỏ & vừa	7.3%	7.0%	6.7%	-0.51%	-0.29%
VIB	Tư nhân nhỏ & vừa	7.5%	7.2%	6.8%	-0.71%	-0.38%
LPB	Tư nhân nhỏ & vừa	8.4%	8.0%	6.8%	-1.50%	-1.15%
SSB	Tư nhân nhỏ & vừa	7.5%	7.0%	7.0%	-0.51%	-0.08%
BVB	Tư nhân nhỏ & vừa	7.6%	7.8%	7.0%	-0.62%	-0.82%
TPB	Tư nhân nhỏ & vừa	7.9%	7.1%	7.0%	-0.88%	-0.13%
VAB	Tư nhân nhỏ & vừa	7.6%	7.8%	7.0%	-0.56%	-0.76%
OCB	Tư nhân nhỏ & vừa	7.6%	7.9%	7.3%	-0.30%	-0.61%
NAB	Tư nhân nhỏ & vừa	8.1%	7.6%	7.7%	-0.36%	0.15%
BAB	Tư nhân nhỏ & vừa	8.3%	7.7%	7.8%	-0.52%	0.03%
KLB	Tư nhân nhỏ & vừa	8.5%	8.5%	9.2%	0.70%	0.69%

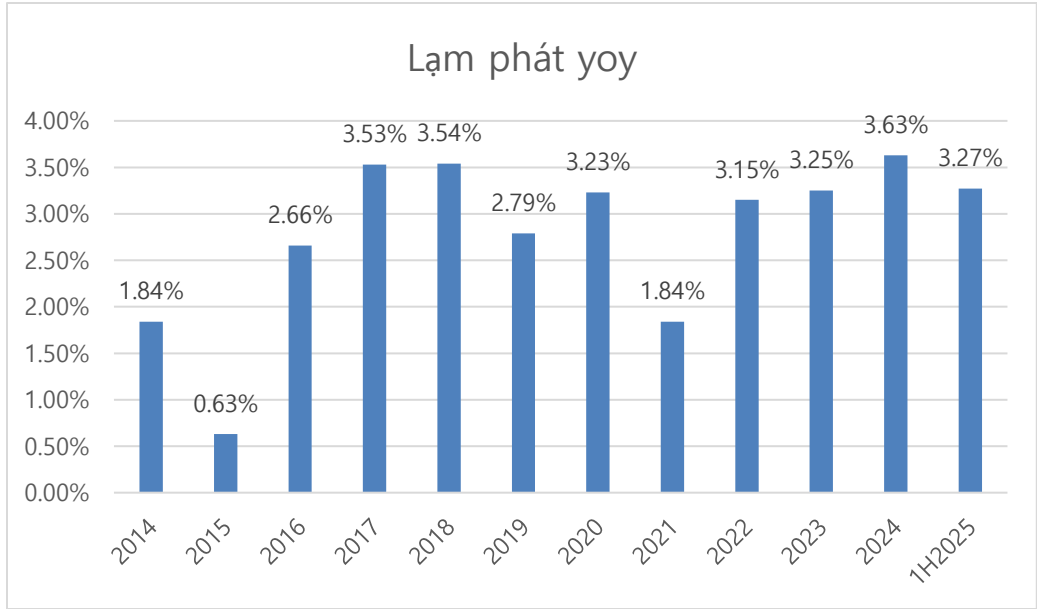
Tăng trưởng tín dụng 2024-2025 (%YTD)



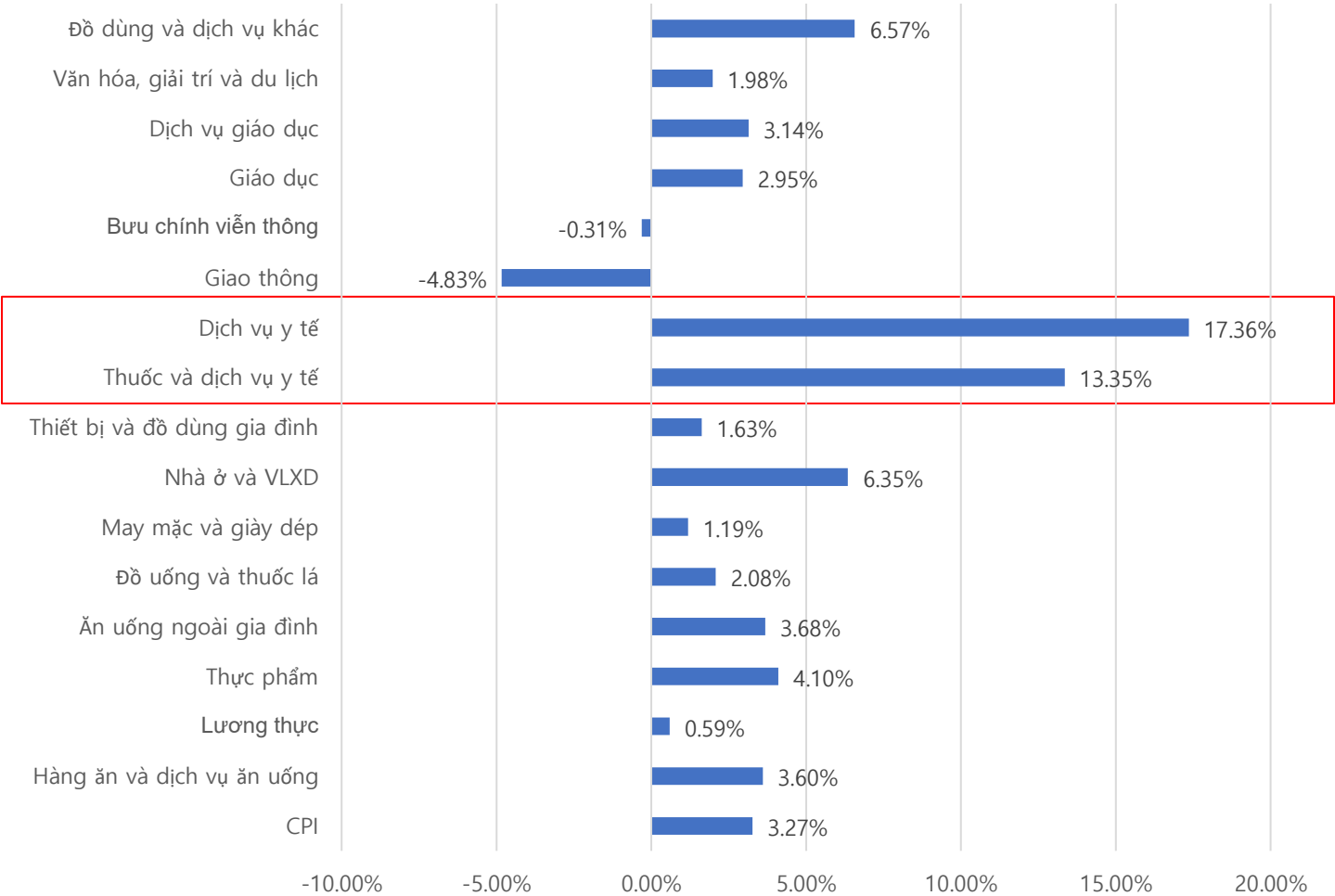
Lạm phát giảm so với năm 2024, chỉ còn ở mức 3.27%

Lạm phát ổn định dưới 4.5% sẽ không tạo ra áp lực lên thay đổi chính sách tiền tệ từ NHNN

Lạm phát yoy



Lạm phát theo nhóm ngành



Tỷ giá USD/VND không còn là ưu tiên trong điều hành chính sách từ NHNN?

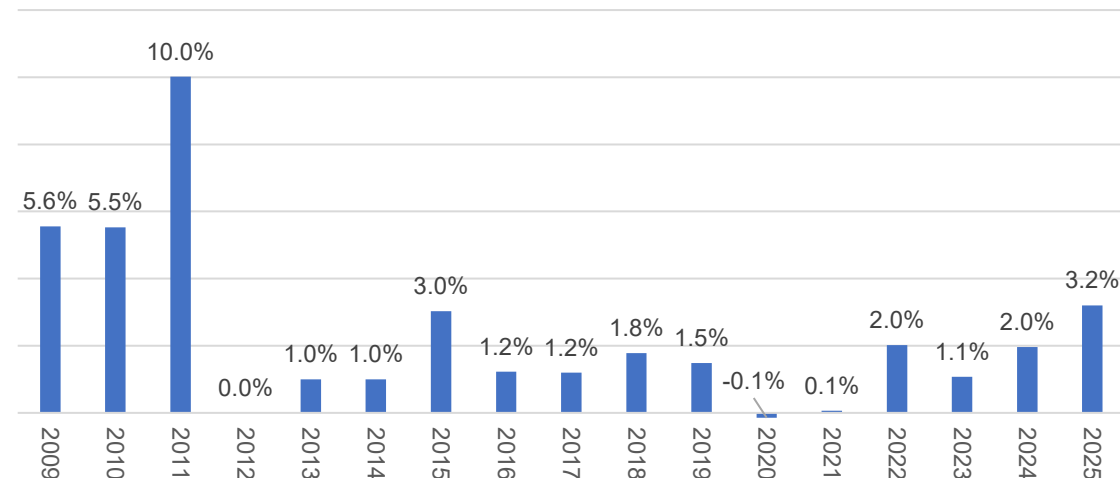
- DXY index hiện đã ở mức thấp nhất 3 năm, áp lực lên tỷ giá vốn dĩ là không lớn
 - Chỉ hơn 3 tháng, tỷ giá trung tâm đã tăng 3.2%, cao hơn mức tăng hàng năm kể từ năm 2012
- NHNN đang chủ động giảm giá đồng VND, tỷ giá USD không còn là ưu tiên trong điều hành chính sách từ NHNN?

Từ đầu năm, KBNN đã có 11 đợt chào mua ngoại tệ với tổng quy mô gần 1,9 tỷ USD (bơm một lượng lớn tiền đồng trở lại hệ thống ngân hàng)

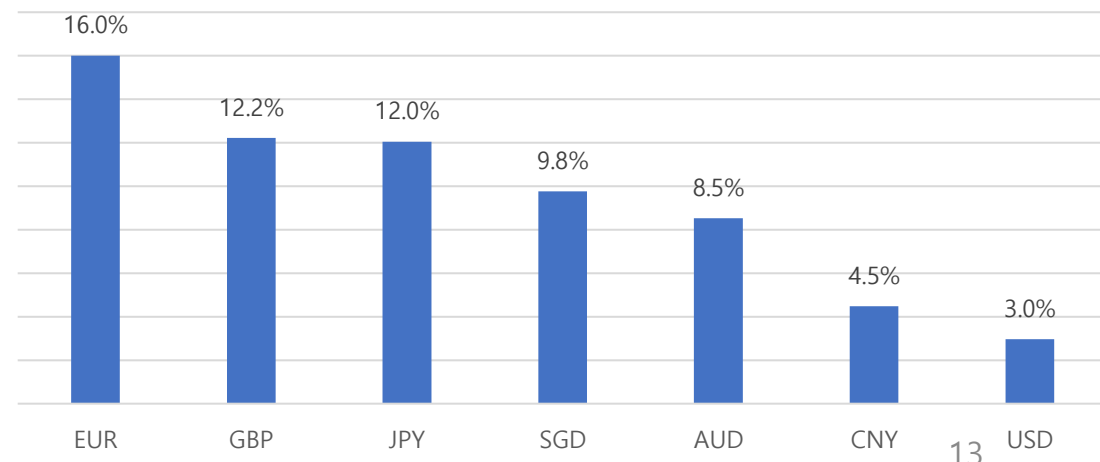
DXY Index



Tỷ giá trung tâm



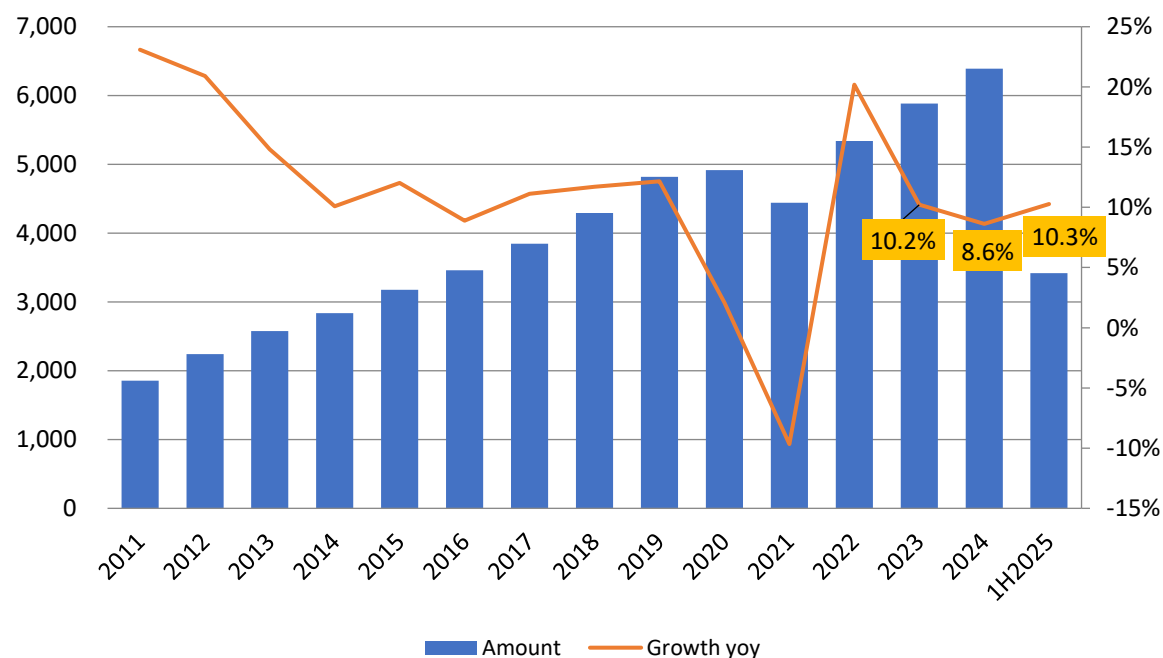
Diễn biến các đồng tiền chính năm 2025



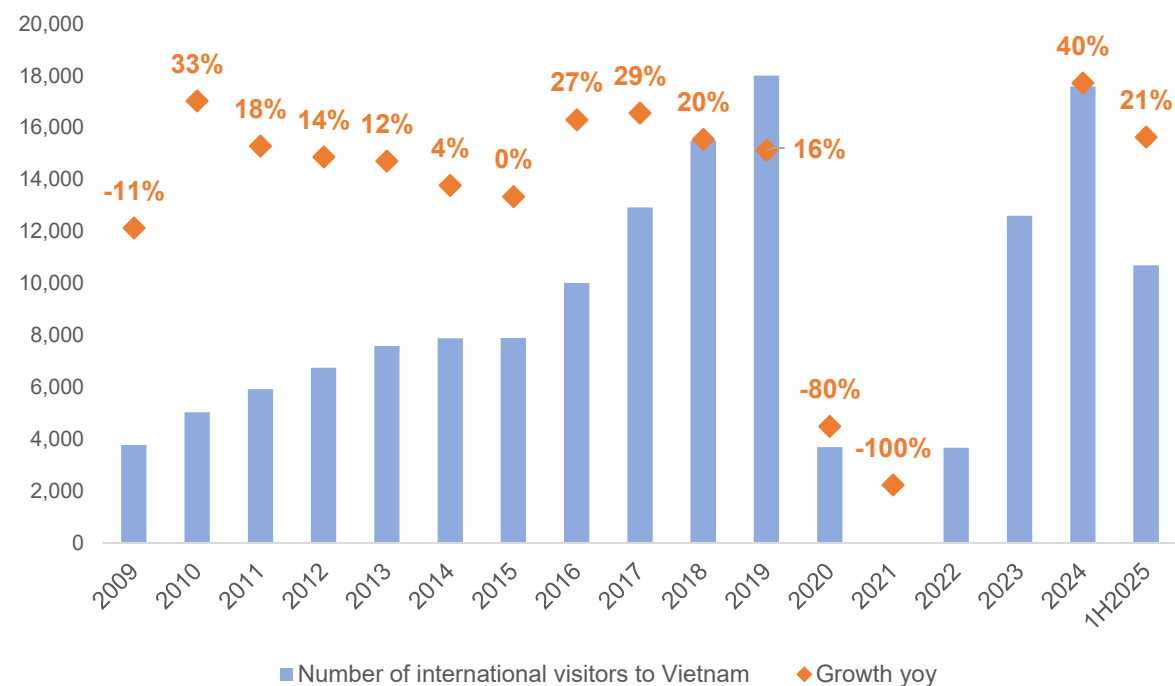
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 10.3%, cao nhất 3 năm

- Động lực quan trọng cho tăng trưởng bán lẻ đến từ khách du lịch quốc tế (tăng trưởng 21% yoy), và tăng 25.9% so với 1H2019 – trước khi Covid diễn ra, đặc biệt trong bối cảnh đồng ngoại tệ (CNY KRW EUR đang tăng giá nhanh chóng)

Retail sale & growth yoy



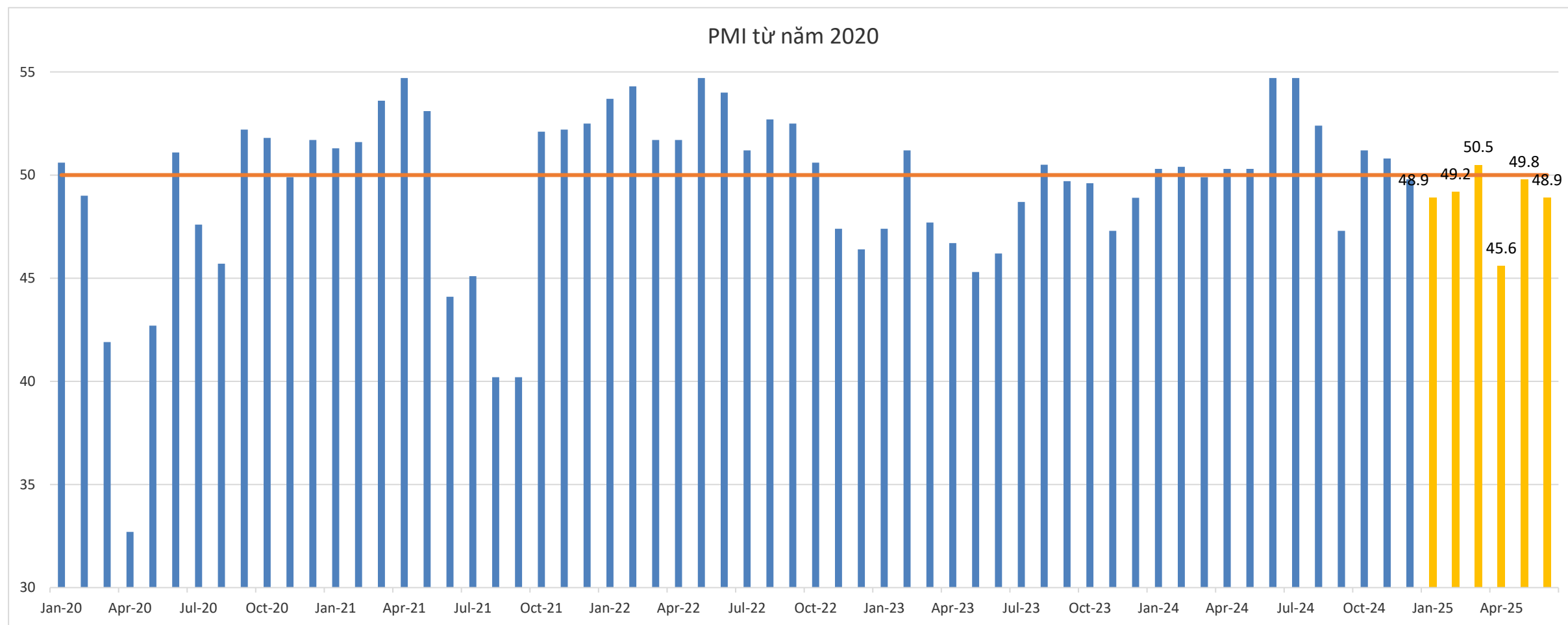
Lượng khách quốc tế đến Việt Nam



Nguồn: Tổng cục du lịch

Ngành sản xuất lại đang có dấu hiệu suy yếu

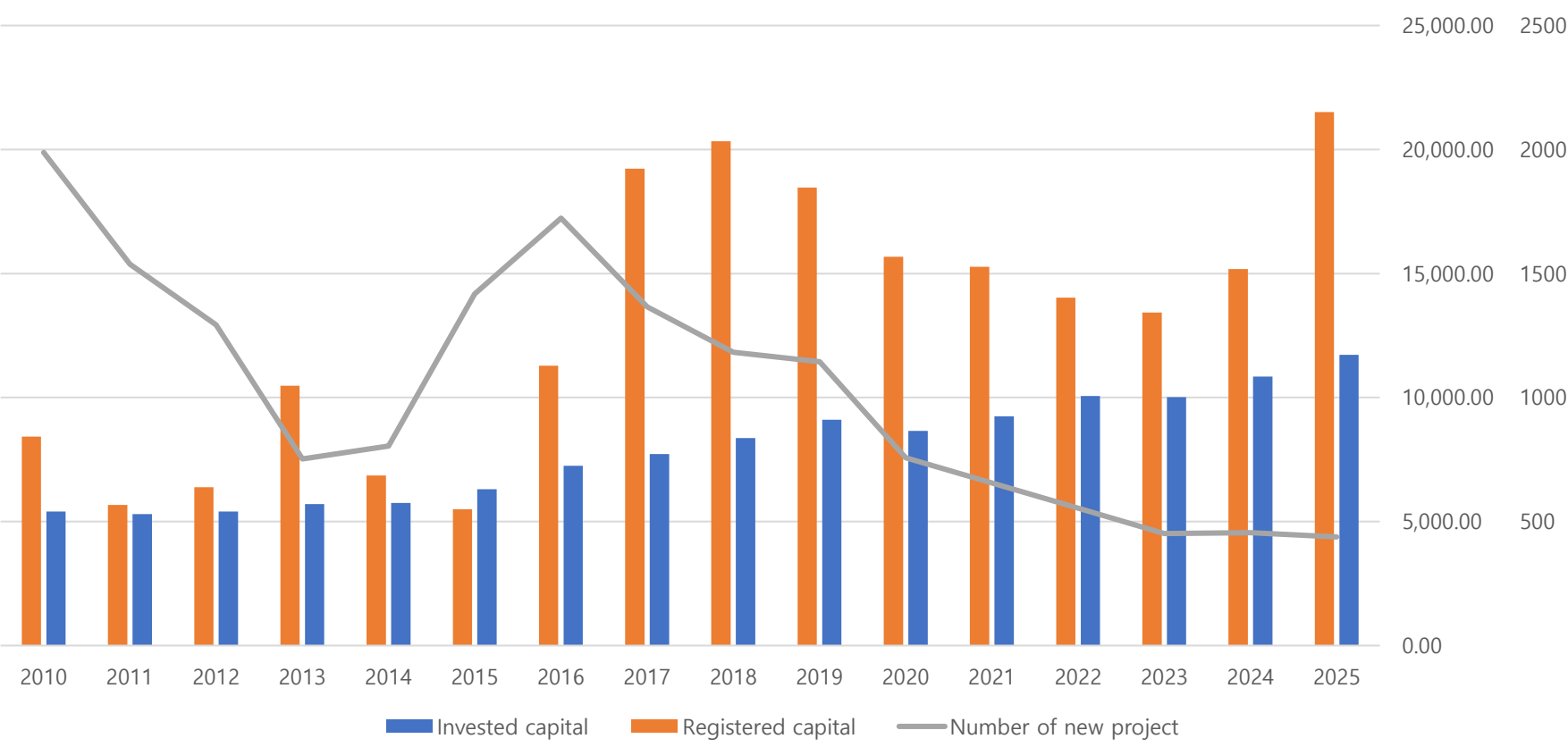
- Trong 6 tháng, có tới 5 tháng có PMI dưới 50 điểm, cho thấy tăng trưởng dựa trên ngành dịch vụ, xây dựng, bất động sản; trong khi đó, hoạt động sản xuất và công nghiệp trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn



FDI thực hiện 1H2025 tăng trưởng 8.1% yoy

CARG vốn FDI thực hiện trong 15 năm (từ 2010-2025) là 5.5%; như vậy, tăng trưởng FDI 1H2025 tăng cao hơn mức trung bình 15 năm qua

Vốn FDI 6 tháng qua các năm



Quốc gia	Vốn đăng ký
Singapore	10,207
Hàn Quốc	7,057
Trung Quốc	4,732
Hồng Kông	4,348
Nhật Bản	3,502
Đài Loan	2,085
Quần đảo Cayman	1,231
Samoa	856
Thổ Nhĩ Kỳ	763
Quần đảo Virgin thuộc Anh	586
Hà Lan	546
Mỹ	287
Khác	2,025

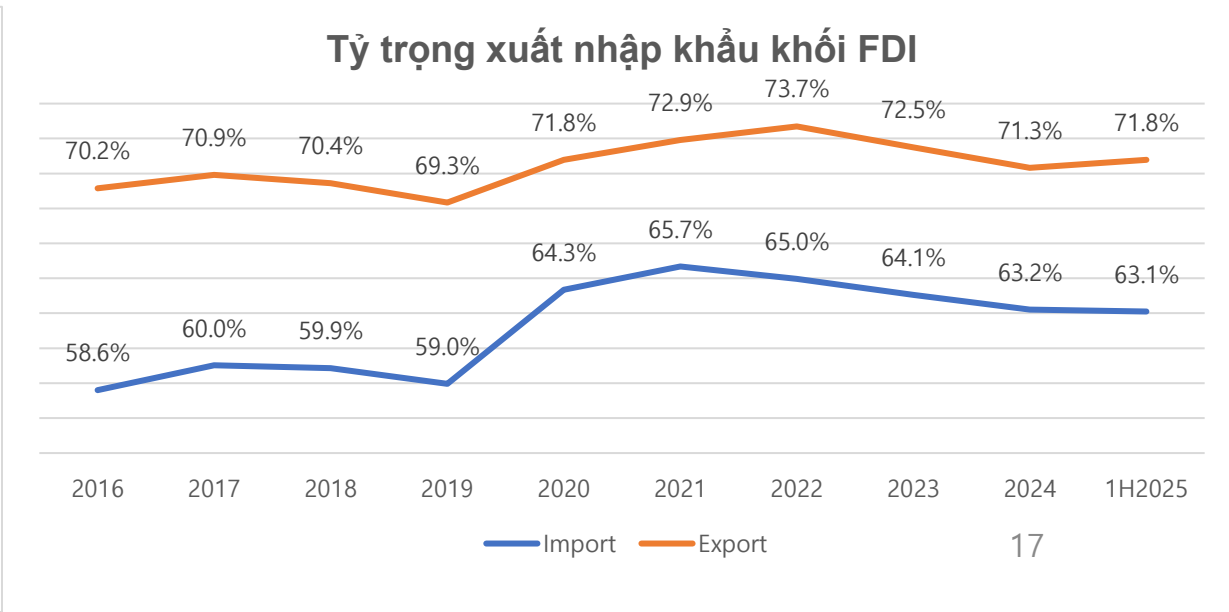
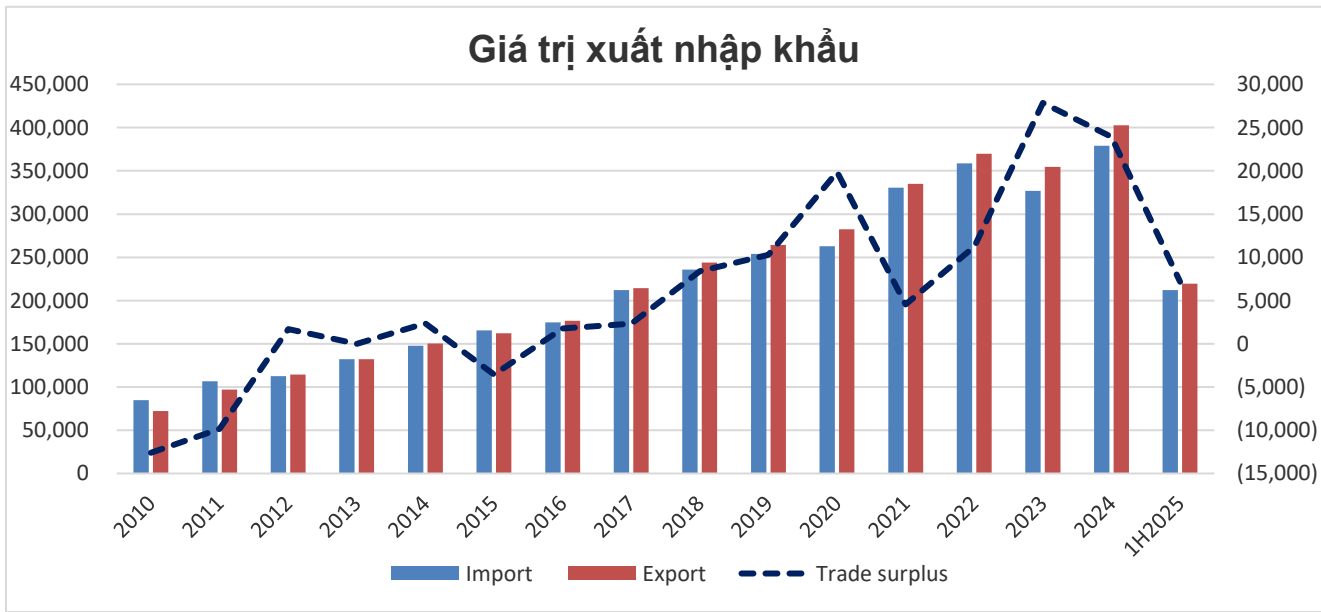
Đơn vị: Triệu USD

Nguồn: FiinProX

Xuất nhập khẩu vẫn tăng trưởng 17.2% yoy

Xuất khẩu	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	1H2025
Mỹ	41,592	47,530	61,347	77,077	96,270	109,389	97,020	119,501	70,914
Trung Quốc	35,404	41,366	41,414	48,905	55,926	57,703	61,208	61,212	29,122
Hàn Quốc	14,819	18,241	19,720	19,107	21,948	24,293	23,499	25,619	13,737
Nhật Bản	16,859	18,834	20,413	19,284	20,130	24,233	23,315	24,608	12,807
Hồng Kông	7,582	7,958	7,156	10,437	11,995	10,936	9,632	12,423	7,657
Hà Lan	7,105	7,085	6,881	6,999	7,685	10,430	10,242	12,994	6,258
Đức	6,363	6,873	6,555	6,644	7,288	8,968	7,400	7,935	4,752
Ấn Độ	3,758	6,544	6,674	5,235	6,281	7,962	8,499	9,065	5,044
Thái Lan	4,808	5,487	5,272	4,917	6,155	7,476	7,192	7,783	4,158
Anh	5,422	5,779	5,758	4,955	5,766	6,066	6,345	7,543	3,875
Australia	3,281	3,966	3,495	3,621	4,401	5,553	5,224	6,476	3,084
Đài Loan	2,574	3,151	4,392	4,322	4,587	5,118	4,737	5,619	3,306
Canada	2,716	3,014	3,912	4,361	5,270	6,315	5,616	6,374	3,411
Mexico	2,339	2,240	2,828	3,159	4,558	4,533	4,438	5,465	3,087
Philippines	2,836	3,465	3,730	3,550	4,571	5,100	5,150	6,189	2,916

Nhập khẩu	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	1H2025
Trung Quốc	58,592	65,516	75,452	84,187	110,533	117,867	110,645	144,021	84,700
Hàn Quốc	46,961	47,582	46,935	46,895	56,314	62,089	52,511	55,926	28,357
Đài Loan	12,727	13,231	15,173	16,701	20,780	22,631	18,421	22,741	14,775
Nhật Bản	16,977	19,041	19,526	20,341	22,801	23,374	21,638	21,588	11,592
Mỹ	9,349	12,747	14,365	13,713	15,277	14,471	13,822	15,103	8,870
Thái Lan	10,643	12,043	11,656	10,965	12,586	14,092	11,797	12,447	6,316
Indonesia	3,660	4,937	5,703	5,382	7,603	9,641	8,729	10,527	5,756
Malaysia	5,949	7,450	7,291	6,575	8,166	9,124	7,809	9,133	5,212
Australia	3,182	3,751	4,455	4,677	7,968	10,145	8,533	7,592	3,634
Kuwait	288	2,604	3,534	3,168	4,710	6,582	5,882	7,250	3,326
Ấn Độ	3,940	4,147	4,538	4,435	6,964	7,087	5,865	5,830	2,851
Brazil	1,838	2,387	2,747	2,907	4,106	4,548	4,675	5,377	2,543
Singapore	5,316	4,527	4,091	3,670	4,260	4,837	4,710	5,375	3,063
Campuchia	1,030	969	901	1,178	4,710	4,826	3,681	4,782	3,458
Đức	3,205	3,812	3,697	3,348	3,952	3,617	3,687	3,768	1,896



Kết luận: Bức tranh vĩ mô 1H2025 đang đi đúng hướng dự báo

- 1 Tăng trưởng vẫn được ở mức cao 7.52%
- 2 Động lực cho tăng trưởng đến từ chính sách tiền tệ (lãi suất thấp và đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng ~9.9%) và chính sách tài khóa (thúc đẩy đầu tư công)
- 3 Lạm phát không quá đáng ngại
- 4 Tỷ giá là nỗi lo, nhưng NHNN sẽ chỉ dùng các biện pháp tiền tệ để kiềm chế tỷ giá, không dùng biện pháp tăng lãi suất
- 5 FDI vẫn tăng trưởng tích cực, bất chấp nỗi lo tỷ giá
- 6 Xuất nhập khẩu vẫn tăng trưởng ở mức cao 17.2%
- 7 Dù vậy, hoạt động sản xuất trong nước vẫn suy yếu

MỤC LỤC

1. Dự báo kinh tế 2025: Dồn toàn lực cho tăng trưởng
2. Kinh tế vĩ mô 1H2025: Tăng trưởng cao trên nền lãi suất thấp
- 3. Diễn biến các loại hình tài sản ở Việt Nam?**
4. Triển vọng Thị trường Chứng khoán Việt Nam
5. Khuyến nghị nhóm ngành và top cổ phiếu

Tỷ suất sinh lợi từ khi thành lập (24.5 năm) = 11.47%/năm



Tỷ suất sinh lợi 10 năm (từ tháng 7/2015) = 9.18%/năm





Tỷ suất sinh lợi 12.5 năm = 11.89%/năm



Tuy vậy, Vn-Index mới tăng 45% từ năm 2022



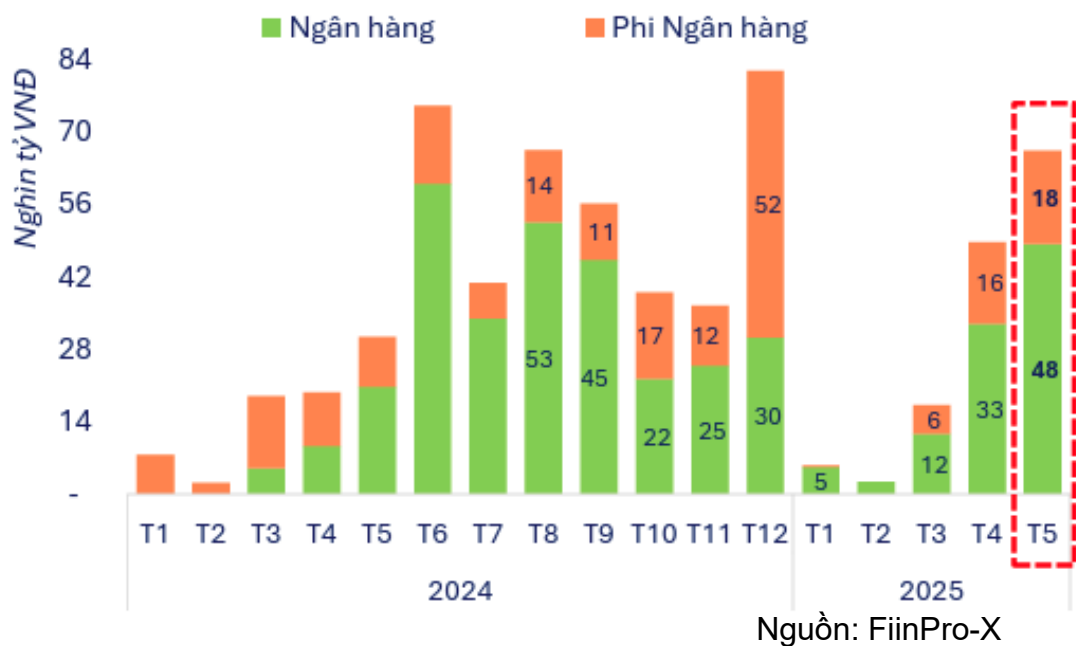
Lãi suất các ngân hàng đang thấp nhất lịch sử

Ngân hàng	1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	36 tháng
Viet Capital Bank	3.8	4	5.3	6.05	6.35	6.45	-
BacABank	3.9	4.2	5.35	5.8	6.2	6.2	6.2
DongABank	4.1	4.3	5.55	5.8	6.1	6.1	6.1
OceanBank	4	4.3	5.3	5.7	6.1	6.1	6.1
Saigonbank	3.3	3.6	4.8	5.8	6	6	6.1
HDBank	3.35	3.45	5.2	5.5	6	5.4	5.4
CBBank	4.05	4.25	5.65	5.75	5.9	5.9	5.9
VietBank	4	4.1	5.3	5.7	5.8	5.8	5.8
PG Bank	3.4	3.8	5	5.5	5.8	5.9	5.9
BAOVIET Bank	3.1	4	5	5.5	5.8	5.8	5.8
Eximbank	3.5	3.4	5.2	5.4	5.7	5.8	5.1
NamABank	4	4.3	4.6	5.3	5.6	-	-
TPBank	3.7	4	4.6	-	5.5	-	5.8
MSB	3.6	3.6	4.7	5.5	5.5	5.5	5.5
Kienlongbank	3.5	3.5	5.2	5.5	5.5	5.5	5.5
NCB	3.9	4.1	5.25	5.5	5.5	5.5	5.5
OCB	3.9	4.1	5.1	5.2	5.5	5.7	5.9
VietABank	3.2	3.5	4.6	5.2	5.5	5.6	5.6
LPBank	3.1	3.3	4.2	5.2	5.5	5.5	5.5
SeABank	2.95	3.45	3.75	4.5	5.45	5.45	5.45
ABBank	3	3.6	5.4	5.7	5.4	5.3	5.3
VPBank	3.7	3.9	4.9	5.4	5.4	5.5	5.5
GPBank	3	3.52	4.6	5.3	5.4	5.4	5.4
SHB	3.3	3.6	4.7	5.2	5.3	5.5	5.8
PVcomBank	3	3.3	4.2	4.8	5.3	5.3	5.3
MBBank	3.7	4	4.5	5.05	5.05	5.9	5.9
VIB	3.5	3.7	4.7	4.9	5	5.1	5.1
SCB	2.8	3.2	4.2	4.9	4.9	5	5.2
Agribank	1.7	2	3	4.7	4.7	4.8	-
VietinBank	1.7	2	3	4.7	4.7	4.7	4.8
BIDV	1.7	2	3	4.7	4.7	4.7	4.7
Vietcombank	1.6	1.9	2.9	4.6	4.7	4.7	4.7
Techcombank	3.15	3.45	4.45	4.65	4.65	4.65	4.65
ACB	2.3	2.7	3.5	4.4	4.5	4.5	4.5

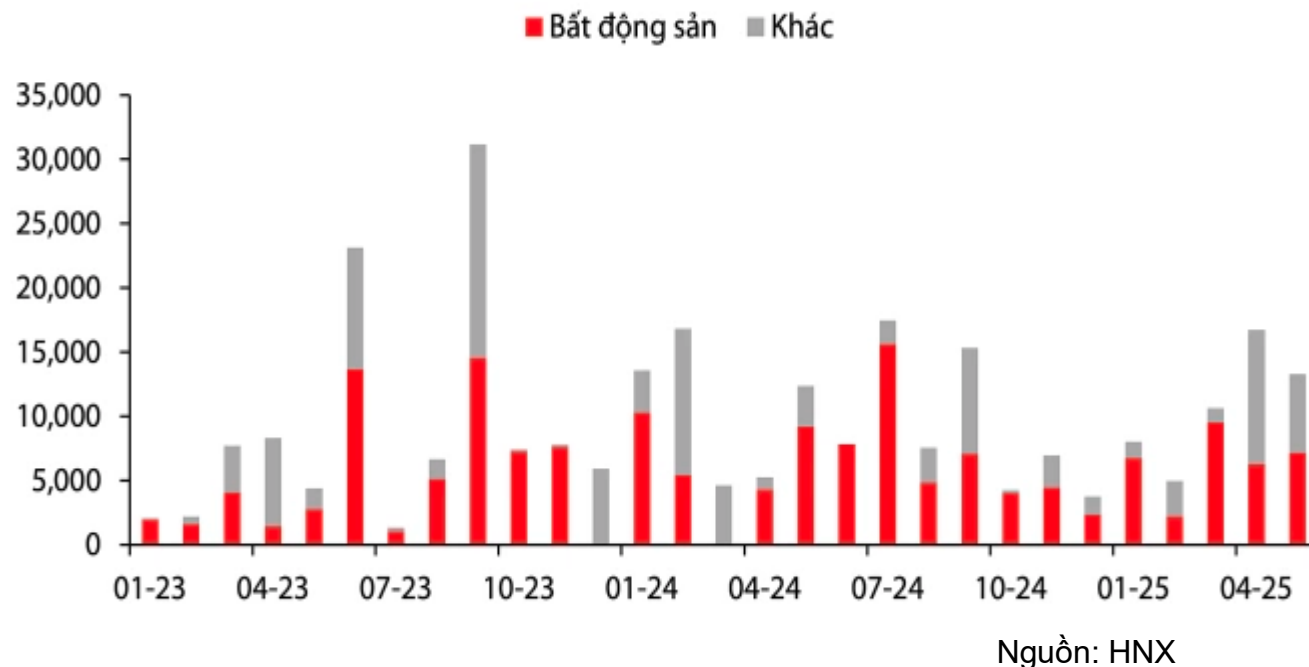
Khủng hoảng nợ trái phiếu vẫn chưa chấm dứt

- Nhóm ngân hàng chiếm 73% giá trị phát hành mới trong tháng 5, nhưng trái phiếu ngân hàng lại không dành cho nhà đầu tư nhỏ lẻ: giá trị tối thiểu thường phải khoảng 50 tỷ đồng
- Trong nhóm phi ngân hàng, hệ thống Vingroup (bao gồm Vinfast) đã huy động 13 nghìn tỷ đồng chiếm 60,9% tổng giá trị phát hành trong tháng 5
- 5 tháng đầu năm, nhóm địa ốc có hơn 31,800 tỷ đồng trái phiếu chậm thanh toán, chiếm gần 60% thị trường

Ngân hàng chiếm 73% giá trị phát hành mới trong tháng 5



Giá trị trái phiếu giãn/hoãn nợ phát sinh theo tháng



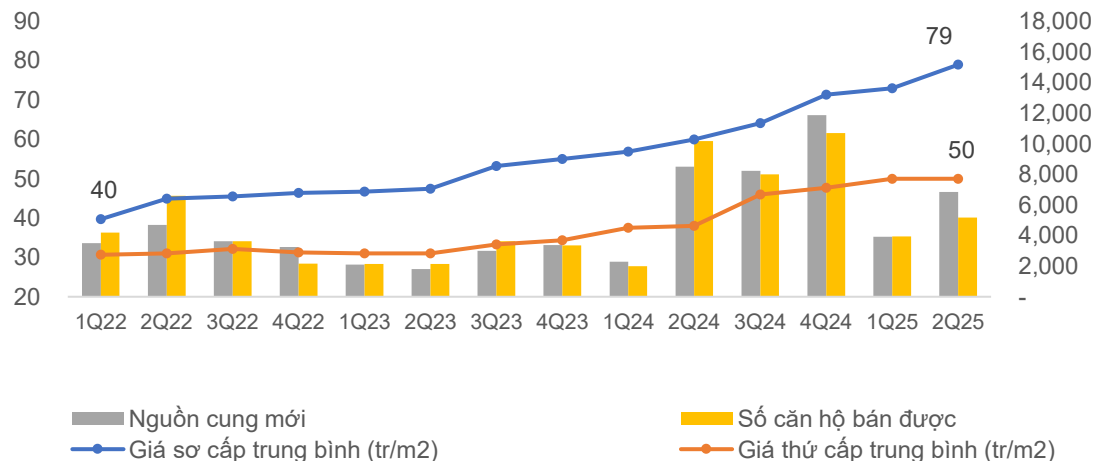
Vàng đã tăng 81% từ năm 2022

- Tỷ suất sinh lợi từ năm 2007 là 12.1%
- Nếu bỏ qua năm 2025, tỷ suất sinh lợi từ 2007 là: 10.16%
- Chênh lệch giá vàng Việt Nam và thế giới hiện trên ~15 triệu VND
- Mua bán vàng số lượng lớn cũng không dễ dàng

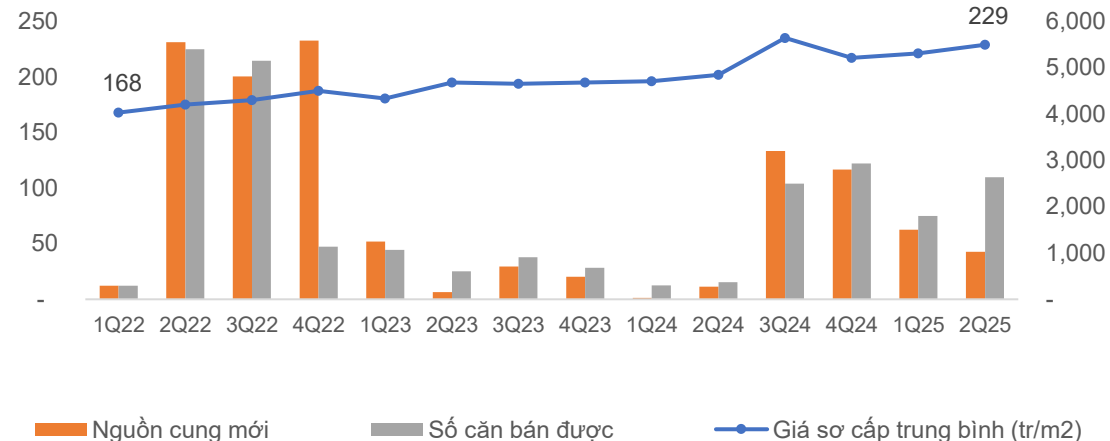
Ngày	Vàng SJC - Giá mua vào VND/lượng	Vàng SJC - Giá bán ra VND/lượng	Mức tăng/năm
07/09/2025	118,600,000	120,600,000	36,400,000
12/31/2024	82,200,000	84,200,000	8,200,000
12/29/2023	73,000,000	76,000,000	9,300,000
12/30/2022	65,900,000	66,700,000	5,050,000
12/31/2021	60,950,000	61,650,000	5,550,000
12/31/2020	55,550,000	56,100,000	13,600,000
12/31/2019	42,100,000	42,500,000	6,020,000
12/28/2018	36,300,000	36,480,000	102,000
12/29/2017	35,923,000	36,378,000	1,285,000
12/30/2016	34,363,000	35,093,000	2,363,000
12/31/2015	32,380,000	32,730,000	-2,640,000
12/31/2014	35,370,000	35,370,000	-1,770,000
12/31/2013	37,140,000	37,140,000	-9,160,000
12/31/2012	45,600,000	46,300,000	4,500,000
12/30/2011	40,800,000	41,800,000	6,000,000
12/31/2010	35,800,000	35,800,000	9,190,000
12/31/2009	26,610,000	26,610,000	8,810,000
12/31/2008	17,800,000	17,800,000	1,550,000
12/31/2007	16,250,000	16,250,000	

Giá bất động sản đã tăng quá cao?

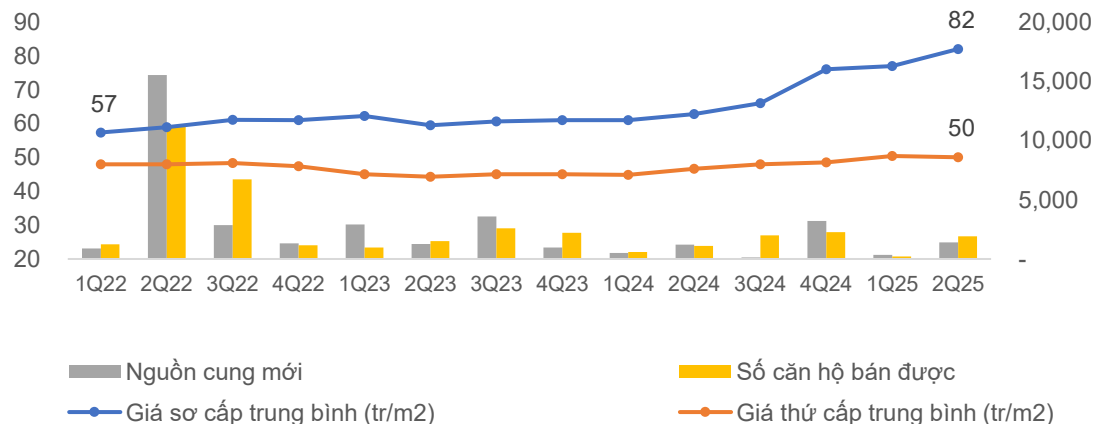
Giá sơ cấp trung bình và nguồn cung phân khúc căn hộ tại Hà Nội



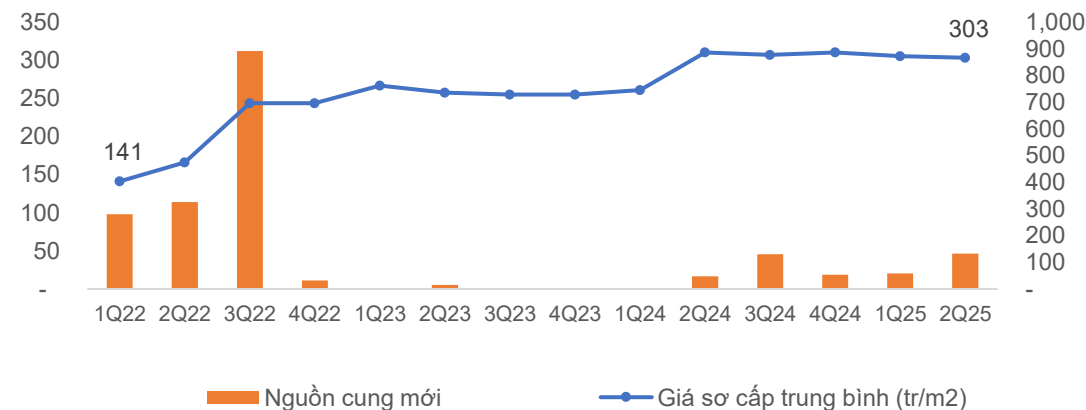
Giá bán sơ cấp trung bình và nguồn cung phân khúc thấp tầng tại Hà Nội



Giá sơ cấp trung bình và nguồn cung phân khúc căn hộ tại Hồ Chí Minh



Giá bán sơ cấp trung bình và nguồn cung phân khúc thấp tầng tại Hồ Chí Minh



Giá bán sơ cấp cao ngất ngưởng?

Dự án mở bán và giá dự kiến trong Q2-Q3/2025 tại Hà Nội & HCMC					
	Dự án	Chủ đầu tư	Vị trí	Quy mô	Giá bán (dự kiến) triệu VNĐ/m ²
Hà Nội	Masteri Grand Avenue (Vinhomes Global Gate)	Masterise Homes	Đông Anh	1.460 căn hộ	100-110
	The Matrix One (giai đoạn 2)	MIK Group	Nam Từ Liêm	990 căn hộ	120-130
	Sun Fexila Suites	Sun Group	Cầu Giấy	1.667 căn hộ	180-200
	Long Bien Central	Taseco Land	Long Biên	422 căn hộ	118 (*)
	Hausman Premium Residences	FLC Group	Nam Từ Liêm	410 căn hộ	90-100
	Galia Hanoi	Mey Group	Hoàng Mai	798 căn hộ	82 (*)
HCM	Limiere Midtown - The Global City	Masterise Homes	Thủ Đức	9.400 căn hộ	155-165
	The Prive	DXG	Thủ Đức	3.175 căn hộ	125 (*)

(*) giá tham dò thị trường, chưa gồm VAT

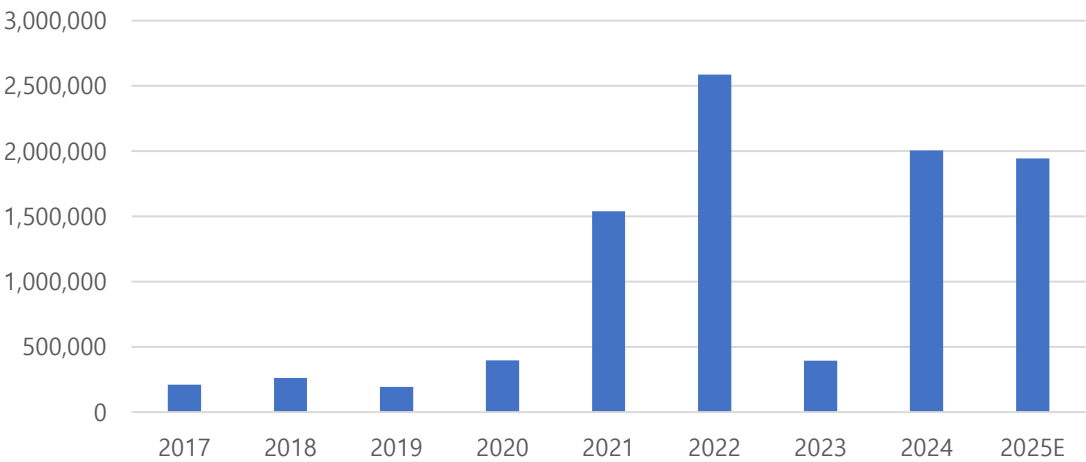
Ngoại tệ – đang tăng mạnh trong năm 2025

Mức tăng năm 2025 từ đầu năm	2.97%	16.01%	12.23%	12.05%	8.53%	9.77%	4.48%
Mức tăng trung bình/năm	2.56%	2.20%	0.77%	1.71%	1.74%	3.77%	0.54%
Ngày	USD	EUR	GBP	JPY	AUD	SGD	CNY
07/02/2025	26,310	31,659	36,474	186	17,464	20,882	3,705
12/31/2024	25,551	27,291	32,500	166	16,091	19,024	3,546
12/29/2023	24,420	27,539	31,292	175	16,758	18,662	3,483
12/30/2022	23,730	25,841	28,837	183	16,202	17,810	3,458
12/31/2021	22,920	26,546	31,235	203	16,780	17,122	3,653
12/31/2020	23,190	29,093	31,960	228	18,029	17,734	3,616
12/31/2019	23,230	26,601	30,518	216	16,363	17,281	
12/31/2018	23,245	27,179	29,721	212	16,488	17,143	
12/29/2017	22,735	27,258	30,720	203	17,766	17,076	
12/30/2016	22,785	24,248	28,201	196	16,570	15,902	
12/31/2015	22,540	24,708	33,521	187	16,514	16,025	
12/31/2014	21,405	26,479	33,943	182	17,845	16,559	
12/31/2013	21,125	29,266	35,073	202	18,940	16,836	
12/31/2012	20,855	27,754	33,870	244	21,821	17,201	
12/30/2011	21,036	27,699	32,954	275	21,767	16,520	
12/31/2010	19,500	27,835	32,214	256	21,254	16,229	
12/31/2009	18,479	26,963	30,212	203	16,855	13,387	
12/31/2008	17,486	24,975	25,462	195	12,183	12,269	
12/31/2007	16,030	23,763	32,231	143	14,168	11,190	
12/29/2006	16,057	21,185	31,645	136	12,682	10,537	
12/30/2005	15,859						
12/31/2004	15,746						
12/31/2003	15,510						
12/31/2002	15,280						
12/31/2001	14,725						
12/29/2000	14,168						

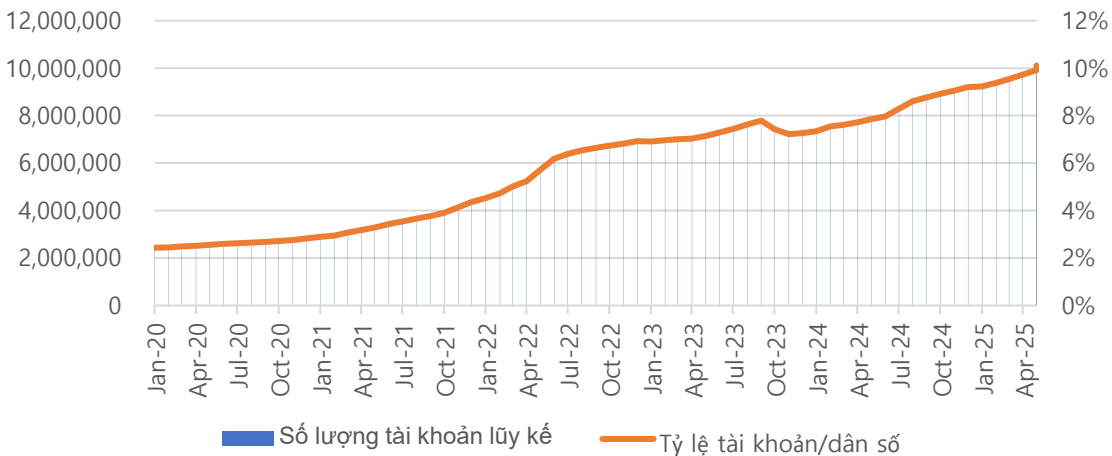


TIỀM NĂNG TTCK DÀI HẠN: RẤT KHẢ QUAN

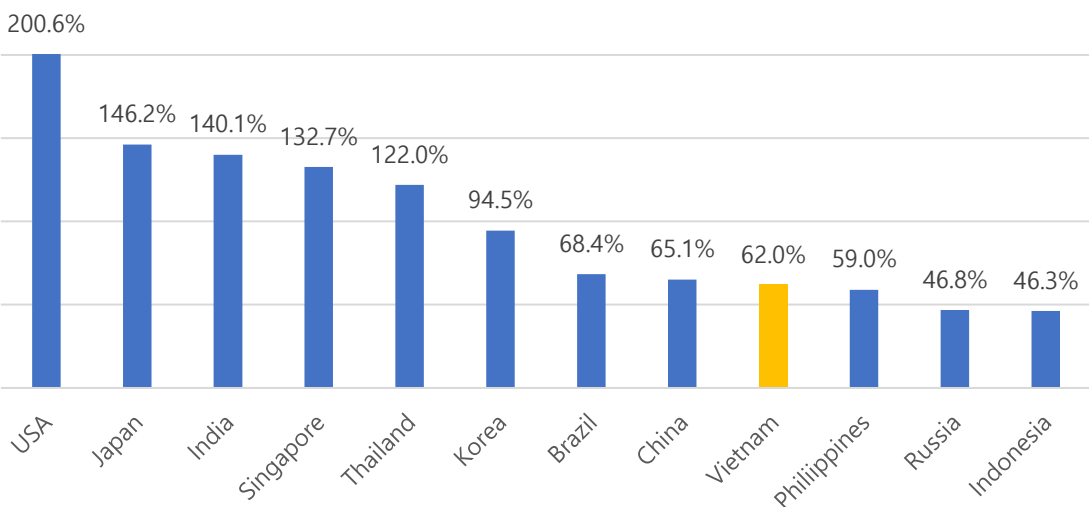
Số tài khoản mở mới



Tỷ lệ tài khoản/dân số đạt 10.1%

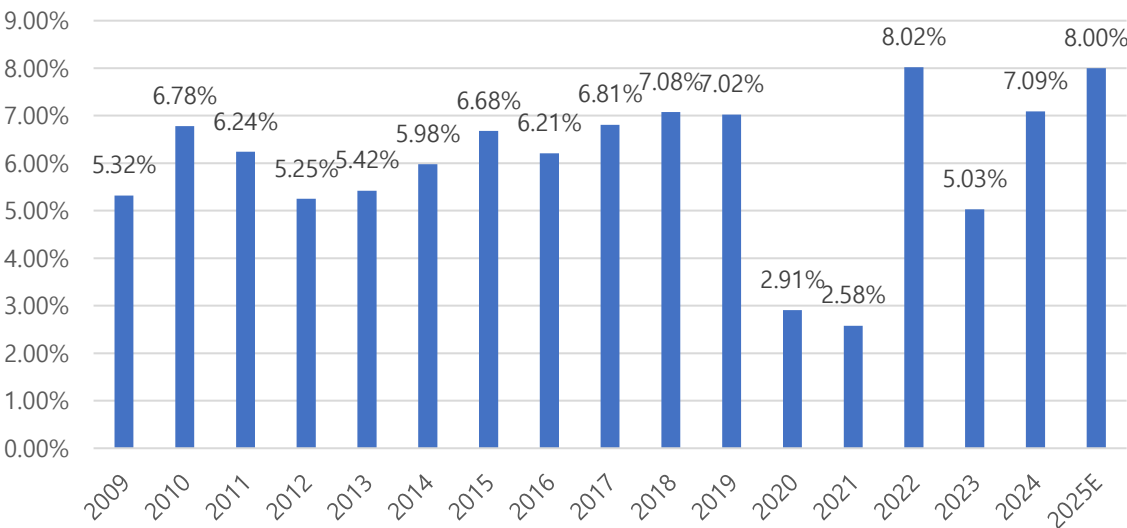


Vốn hóa TTCK/GDP



Source: World bank

Tăng trưởng GDP



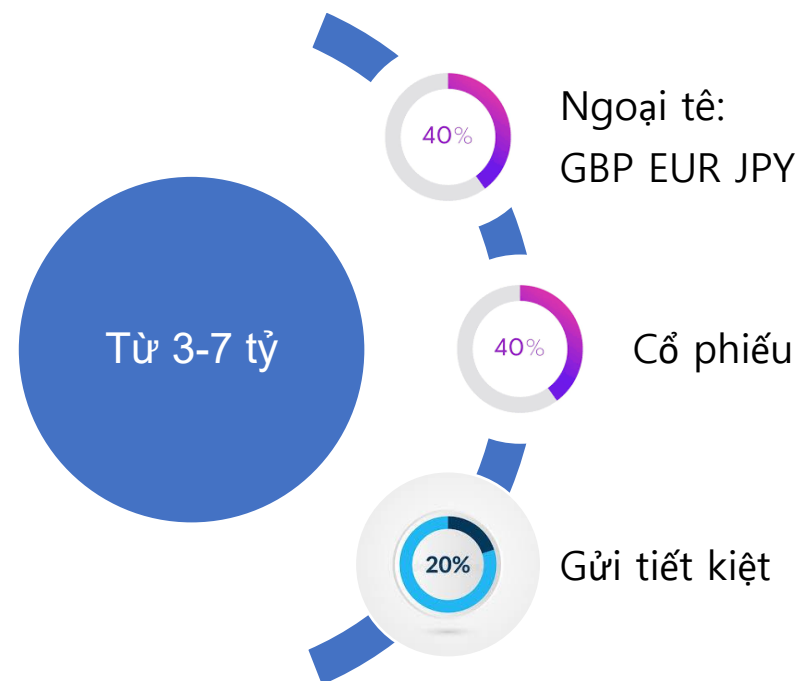
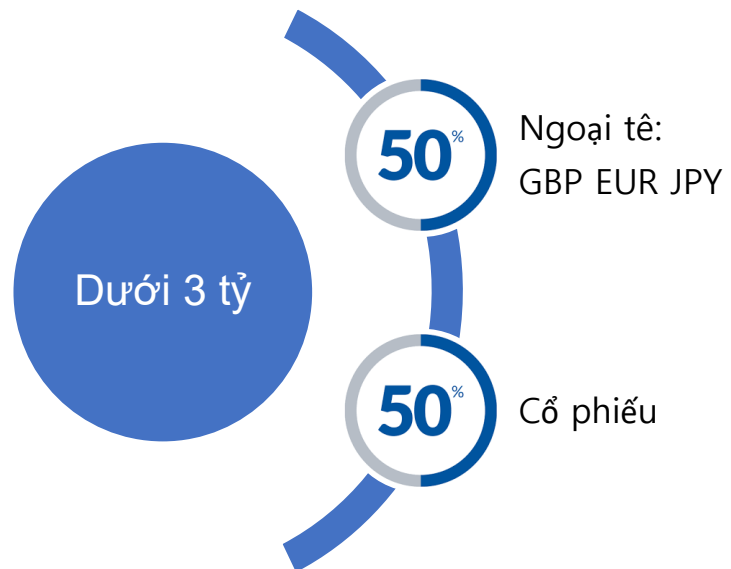
Luật pháp chứng khoán đang ngày càng được cải thiện và nhiều sản phẩm mới cho nhà đầu tư

1 số thay đổi lớn trên Thị trường chứng khoán Việt Nam

- 1999: Tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài (**FOL**) được tăng lên mức 20% (trong đó 1 nhà đầu tư tổ chức được sở hữu tối đa 7% và 1 nhà đầu tư cá nhân được sở hữu tối đa 3% 1 doanh nghiệp)
- 2003: FOL tại 1 công ty đại chúng được tăng lên 30%, và FOL tại công ty chứng khoán được tăng lên 49%
- 2005: FOL được tăng lên mức 49% tại tất cả các doanh nghiệp, ngoại trừ nhóm ngân hàng
- 2013: Thời gian giao dịch được tăng lên và kết thúc vào 3h chiều
- 2015: Bỏ hạn chế về FOL, ngoại trừ 1 số nhóm ngành đặc biệt, hoặc trường hợp điều lệ doanh nghiệp quy định khác
- 2017: Thị trường chứng khoán phái sinh chính thức được giao dịch
- 2019: Luật chứng khoán mới được thông qua và chính thức có hiệu lực từ 2020
- 2022: Giảm thời gian thanh toán cổ phiếu và tiền từ T+3 về T+2.5
- 2022: Siết chặt tình trạng thao túng, làm giá thị trường chứng khoán

Chính phủ Việt Nam cam kết tích cực thay đổi luật pháp và chính sách để đáp ứng các yêu cầu mới từ MSCI và FTSE để thị trường chứng khoán Việt Nam có thể được nâng hạng lên thị trường mới nổi vào năm 2025

Phân bổ danh mục đầu tư



MỤC LỤC

1. Dự báo kinh tế 2025: Dồn toàn lực cho tăng trưởng
2. Kinh tế vĩ mô 1H2025: Tăng trưởng cao trên nền lãi suất thấp
3. Diễn biến các loại hình tài sản ở Việt Nam?
- 4. Triển vọng Thị trường Chứng khoán Việt Nam**
5. Khuyến nghị nhóm ngành và top cổ phiếu

Fed sẽ giảm 0.5% lãi suất trong năm 2025?

Cuộc họp của Fed năm 2025

Tháng 7: 29-30

Tháng 9: 16-17

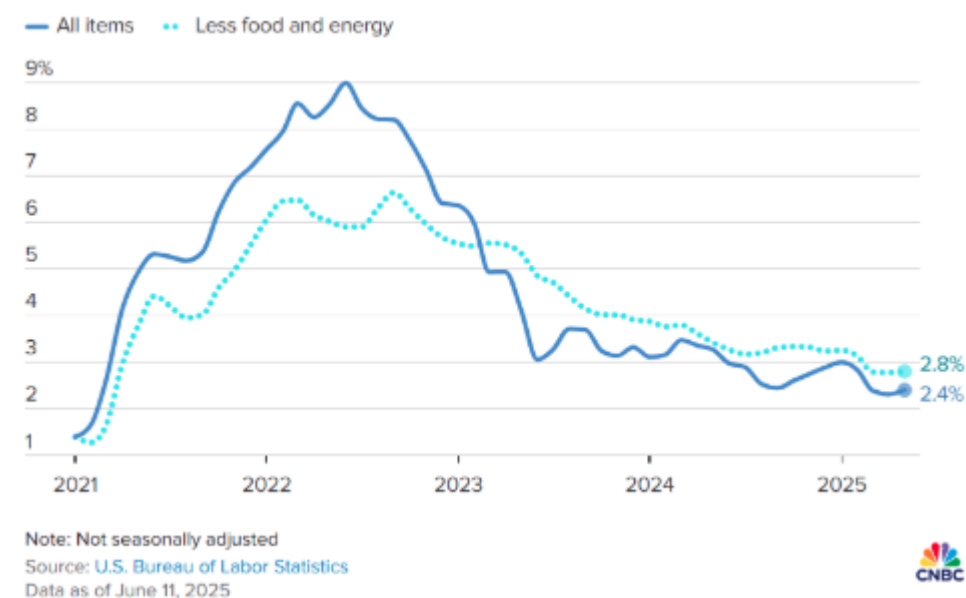
Tháng 10: 28-29

Tháng 12: 9-10

Lạm phát tháng 5 tại Mỹ đã về 2.4%, sát ngưỡng kỳ vọng dài hạn của Fed là 2%

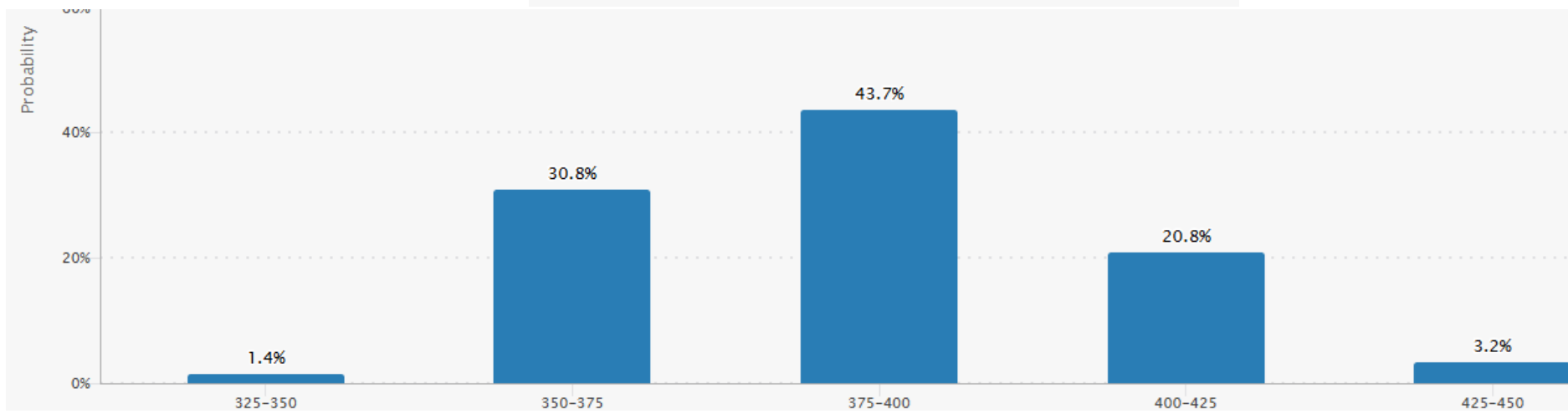
Lo ngại của Fed: thuế đối ứng sẽ là giá hàng hóa tại Mỹ tăng lên?

43.7% chuyên gia được khảo sát tại Mỹ dự báo: Fed sẽ giảm lãi suất 0.5% trong thời gian còn lại của năm 2025 từ 4.5% xuống 4%

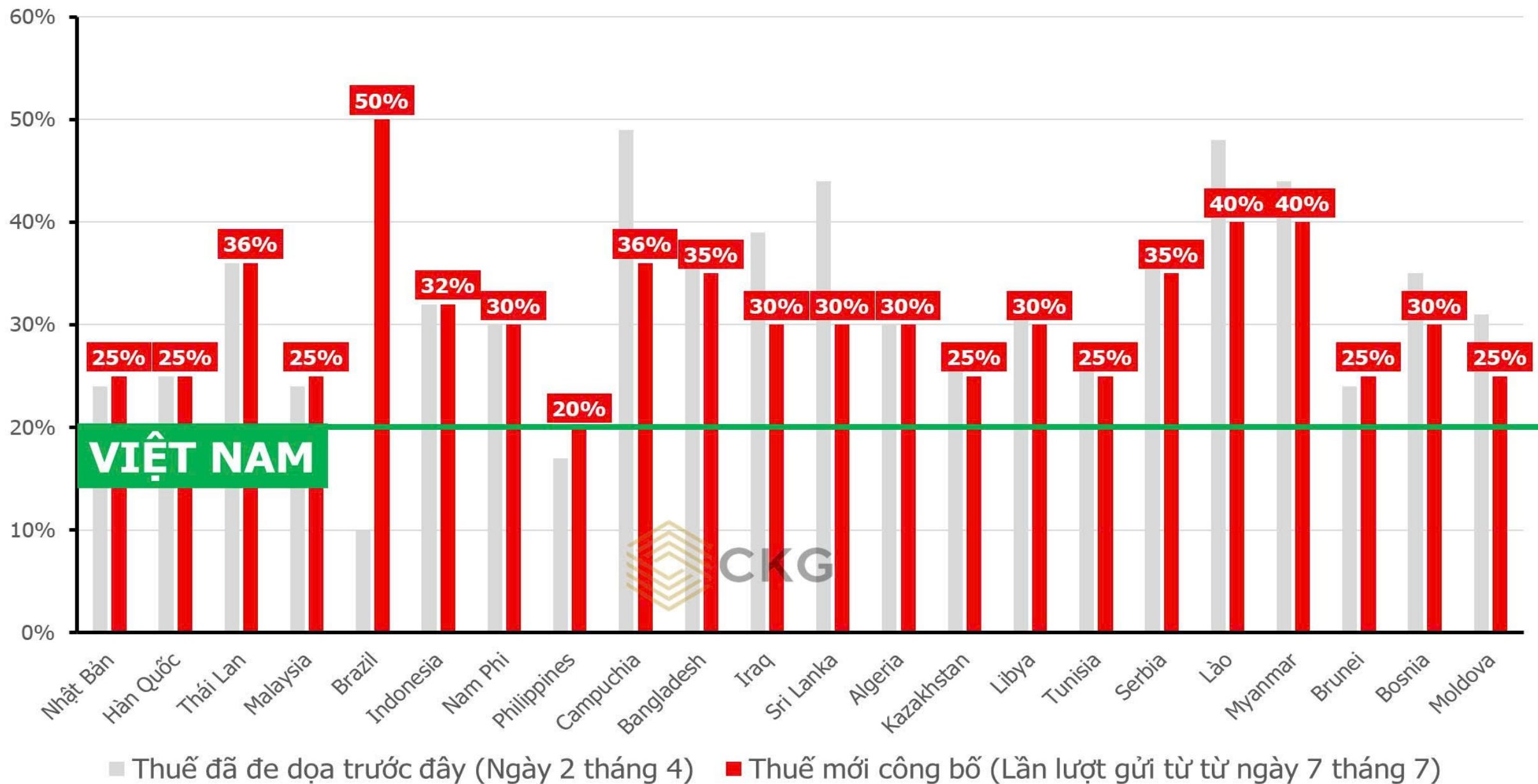


Ngưỡng kỳ vọng dài hạn 2%

Target Rate Probabilities for 10 Thg12 2025 Fed Meeting



Việt Nam đang có mức thuế đối ứng thấp nhất vào thị trường Mỹ

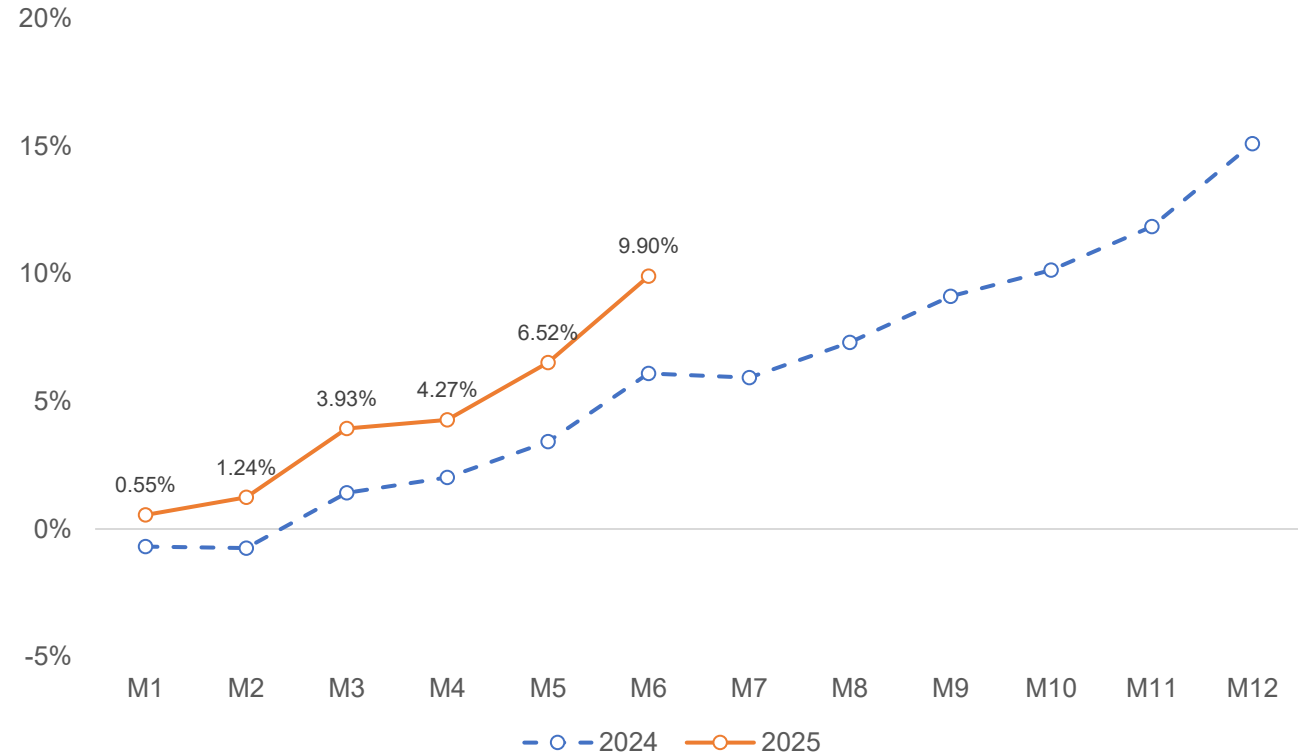


Lãi suất và tín dụng vẫn là động lực tăng trưởng

- Tăng trưởng tín dụng quý 1H2025 đạt 9.9%, gấp 1.6 lần so với mức tăng trưởng 6.1% của 1H2024
- Kế hoạch tăng trưởng tín dụng cả năm 2025 có thể tăng lên 16.8%
- Trong quý 1/2025, có tới 23/26 ngân hàng giảm lãi suất so với cùng kỳ, và có 18/26 ngân hàng giảm lãi suất so với quý trước
- Thủ tướng yêu cầu **sớm bỏ hạn mức tăng trưởng tín dụng**, và xây dựng bộ tiêu chí kiểm soát an toàn tín dụng, báo cáo Thủ tướng trong tháng 7
- Quốc hội chính thức luật hóa Nghị quyết 42, **“chốt” quyền thu giữ tài sản đảm bảo của tổ chức tín dụng**

Lãi suất cho vay bình quân			So sánh	
Q1-2024	Q4-2024	Q1-2025	Năm trước	Quý trước
5.4%	4.8%	4.7%	-0.64%	-0.02%
5.9%	5.6%	5.1%	-0.79%	-0.46%
6.2%	5.7%	5.5%	-0.72%	-0.25%
6.8%	6.7%	6.2%	-0.61%	-0.53%
7.4%	6.7%	6.4%	-1.01%	-0.31%
7.3%	7.0%	7.0%	-0.24%	0.00%
7.7%	7.0%	7.3%	-0.39%	0.31%
8.8%	9.4%	7.6%	-1.23%	-1.75%
10.6%	9.9%	9.2%	-1.34%	-0.70%
9.9%	9.8%	9.5%	-0.40%	-0.29%
6.1%	5.5%	5.9%	-0.15%	0.38%
6.5%	6.2%	6.1%	-0.40%	-0.09%
5.9%	6.0%	6.1%	0.17%	0.17%
6.7%	7.2%	6.4%	-0.23%	-0.79%
6.6%	6.6%	6.7%	0.01%	0.02%
7.3%	7.0%	6.7%	-0.51%	-0.29%
7.5%	7.2%	6.8%	-0.71%	-0.38%
8.4%	8.0%	6.8%	-1.50%	-1.15%
7.5%	7.0%	7.0%	-0.51%	-0.08%
7.6%	7.8%	7.0%	-0.62%	-0.82%
7.9%	7.1%	7.0%	-0.88%	-0.13%
7.6%	7.8%	7.0%	-0.56%	-0.76%
7.6%	7.9%	7.3%	-0.30%	-0.61%
8.1%	7.6%	7.7%	-0.36%	0.15%
8.3%	7.7%	7.8%	-0.52%	0.03%
8.5%	8.5%	9.2%	0.70%	0.69%

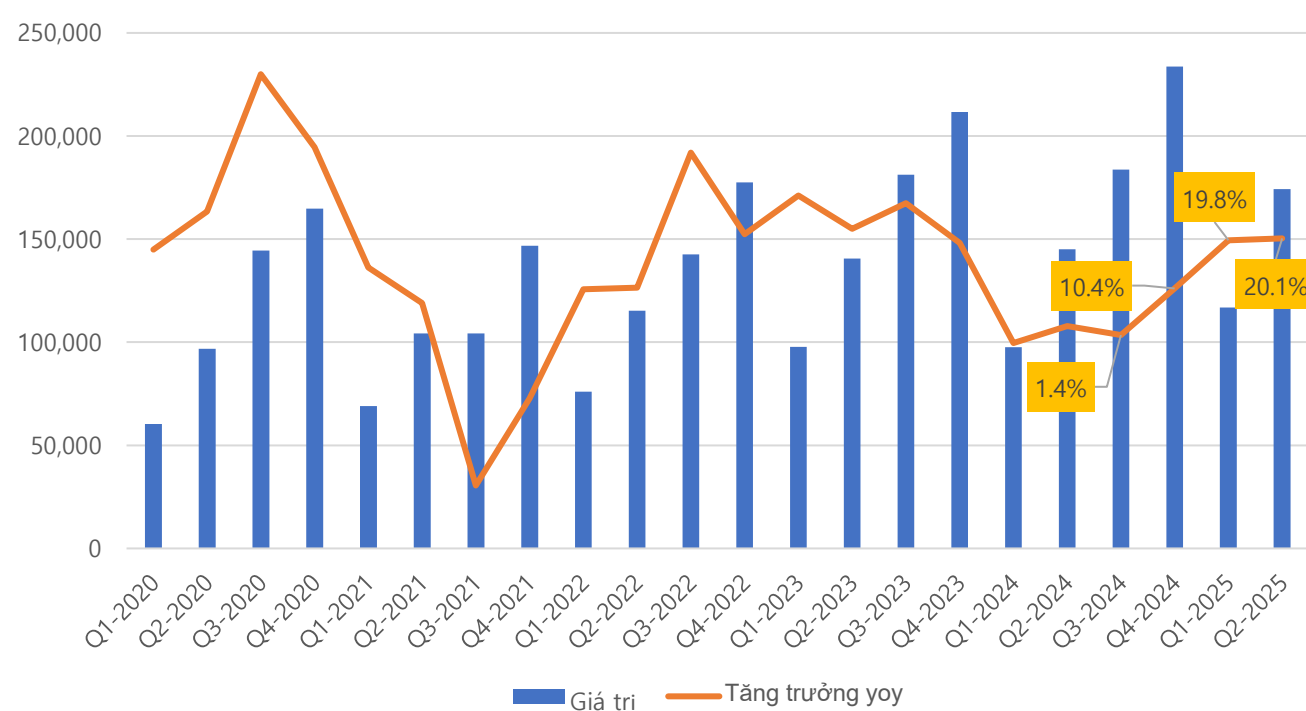
Tăng trưởng tín dụng 2024-2025 (%YTD)



Đầu tư công đã tăng trưởng tới 20.1% trong quý 2/2025

- Tăng trưởng vốn đầu tư công đã tăng liên tục trong 3 quý gần nhất
- Cầu Tứ liên sẽ sử dụng vốn đầu tư công, đã khởi công đúng tiến độ vào ngày 19/5
- Cầu Tứ Liên: nối đường Nghi Tàm, quận Tây Hồ với huyện Đông Anh, tổng chiều dài tuyến khoảng 3km, tổng mức đầu tư trên 20.000 tỷ đồng
- Hà Nội: đồng loạt khởi công 4 cây cầu trước ngày 10/10: cầu Ngọc Hồi, cầu Trần Hưng Đạo, cầu Vân Phúc, và cầu Thượng Cát

Vốn đầu tư thuộc Ngân sách Nhà nước



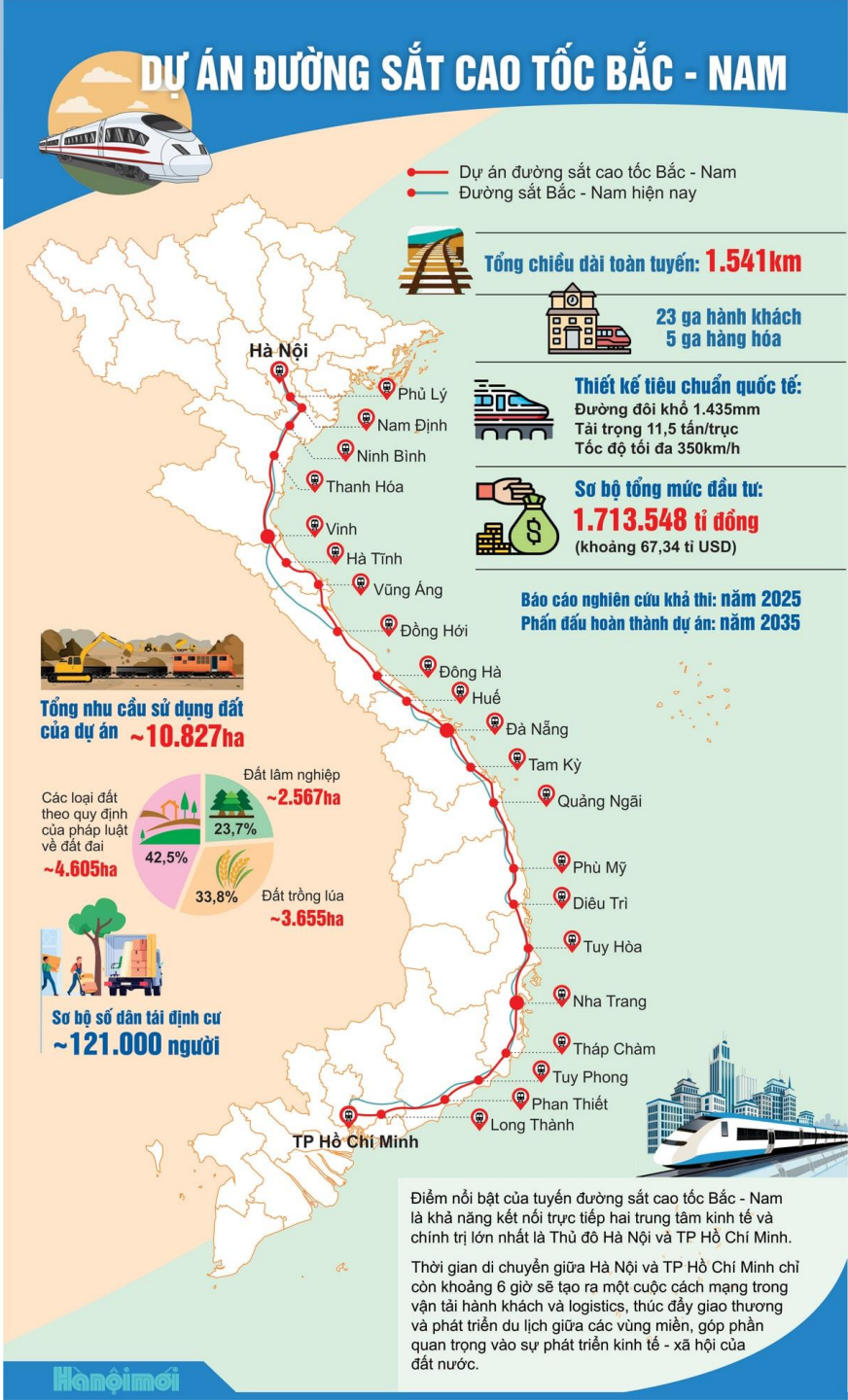
Dự án tiêu biểu giai đoạn 2025-2030	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
Đường sắt cao tốc Bắc Nam	1,713,548
Đường sắt Hà Nội - Lào Cai - Hải Phòng	203,231
Cao tốc Bắc Nam - GD 2	147,000
Sân bay Long Thành	336,630
Đường vành đai 3 - Tp.HCM	75,378
Đường vành đai 4 - Hà Nội	88,694
Cao tốc Tp.HCM - Mộc Bài	20,100
Cao tốc Tp.HCM - Nhơn Trạch	17,400
Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	44,500
Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột	21,935
Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	17,800
Cao tốc Long Thành - Dầu Giây GD 2	15,000

Đường sắt cao tốc Bắc Nam: Thaco hay Vinspeed?

Ý chí từ phía chính phủ đang là rất lớn:

- Dừng ngân sách Trung ương giải phóng mặt bằng đường sắt tốc độ cao Bắc Nam
- Đồng loạt giải phóng mặt bằng đường sắt tốc độ cao từ 19/8/2025, việc GPMB phải hoàn thành trong năm 2026

Tiêu chí	VinSpeed	THACO
Tổng vốn đầu tư	61.27 tỷ USD	61.35 tỷ USD
Vốn tự có (20%)	12.27 tỷ USD	12.3 tỷ USD
Nguồn vốn còn lại (80%)	Nhà nước cho vay 49 tỷ USD, lãi suất 0% trong 35 năm	Vay tổ chức tín dụng trong/ngoài nước, chính phủ bảo lãnh và hỗ trợ lãi vay trong 30 năm
Thời gian khai thác	99 năm	70 năm
Hình thức đầu tư	Đầu tư trực tiếp	Đầu tư trực tiếp
Thời gian xây dựng	5 năm (1 giai đoạn)	7 năm (2 giai đoạn)
Công nghệ	Công nghệ điện khí hóa hiện đại, phối hợp với đối tác Trung Quốc, Nhật Bản, Đức để chuyển giao công nghệ	Hợp tác chuyển giao công nghệ từ Đức, Pháp, Nhật, Hàn
Cam kết chuyển nhượng	Không rõ	Không bán cổ phần, không nhượng quyền cho nhà đầu tư nước ngoài
Giá vé	Tối thiểu bằng 60-75% giá trần vé máy bay	Chưa công bố cụ thể, sẽ đề xuất cho Nhà nước duyệt
Khai thác quỹ đất	Khai thác quỹ đất phụ cận các ga tàu để phát triển khu đô thị, dự án bất động sản	Được ưu tiên giao quỹ đất để phát triển đô thị theo mô hình TOD



FTSE tháng 4: Việt nam vẫn chưa đáp ứng DvP và Failed Trade

Bộ trưởng Tài chính: Phải nâng hạng được thị trường chứng khoán trong năm 2025

Lộ trình dự kiến:

- Tháng 9/2025: Việt Nam được thêm vào rổ chỉ số FTSE (Emerging Markets)
- Dự kiến tỷ trọng Việt Nam là 0.3%
- Dòng tiền Passive khoảng 1.7 tỷ USD
- Dòng tiền Active: Khoảng 8.5 tỷ USD (gấp 5 lần các quỹ ETF – theo FTSE Russell)

FTSE QUALITY OF MARKETS CRITERIA (Watch List) as at March 2025						
CRITERIA	DEV WATCH	GREECE*	ADV EMG WATCH	SEC EMG WATCH	FRONTIER WATCH	VIETNAM**
World Bank GNI Per Capita Rating (Atlas Method)		High				Lower Middle
Credit Worthiness		Speculative				Speculative
Market and Regulatory Environment						
Formal stock market regulatory authorities actively monitor market (e.g., SEC, FSA, SFC)	X	Pass	X	X	X	Pass
Fair and non-prejudicial treatment of minority shareholders	X	Pass	X			Restricted
No or selective incidence of foreign ownership restrictions	X	Pass	X			Restricted
No objection to or significant restrictions or penalties applied to the investment of capital or the repatriation of capital and income	X	Pass	X	X	X	Pass
No or simple registration process for foreign investors	X	Pass	X			Restricted
Foreign Exchange Market						
Developed foreign exchange market	X	Pass	X			Restricted
Equity Market						
Brokerage - Sufficient competition to ensure high quality broker services	X	Pass	X	X		Pass
Transaction costs - implicit and explicit costs to be reasonable and competitive	X	Pass	X	X		Pass
Tax - imposition of taxes to be reasonable and comparable between domestic and non-domestic investors	X	Pass	X			Pass
Stock Lending is permitted	X	Pass				Restricted
Short sales permitted	X	Pass				Not Met
Developed Derivatives Market	X	Pass				Restricted
Off-exchange transactions permitted	X	Pass				Not Met
Efficient trading mechanism	X	Pass	X			Restricted
Transparency - market depth information / visibility and timely trade reporting process	X	Pass	X	X	X	Pass
Clearing, Settlement and Custody						
Settlement - costs associated with failed trades	X	Pass	X	X	X	Restricted
Settlement Cycle (DvP)	X	T+2	X	X	X	T+2
Central Securities Depository	X	Pass	X	X		Pass
Central Counterparty Clearing House (Equities)	X	Pass	X			Not Met
Settlement - Free delivery available	X	Pass				Not Met
Custody - Sufficient competition to ensure high quality custodian services	X	Pass	X	X		Pass
Account structure operating at the Custodian level (securities and cash)	X	Pass				Not Met

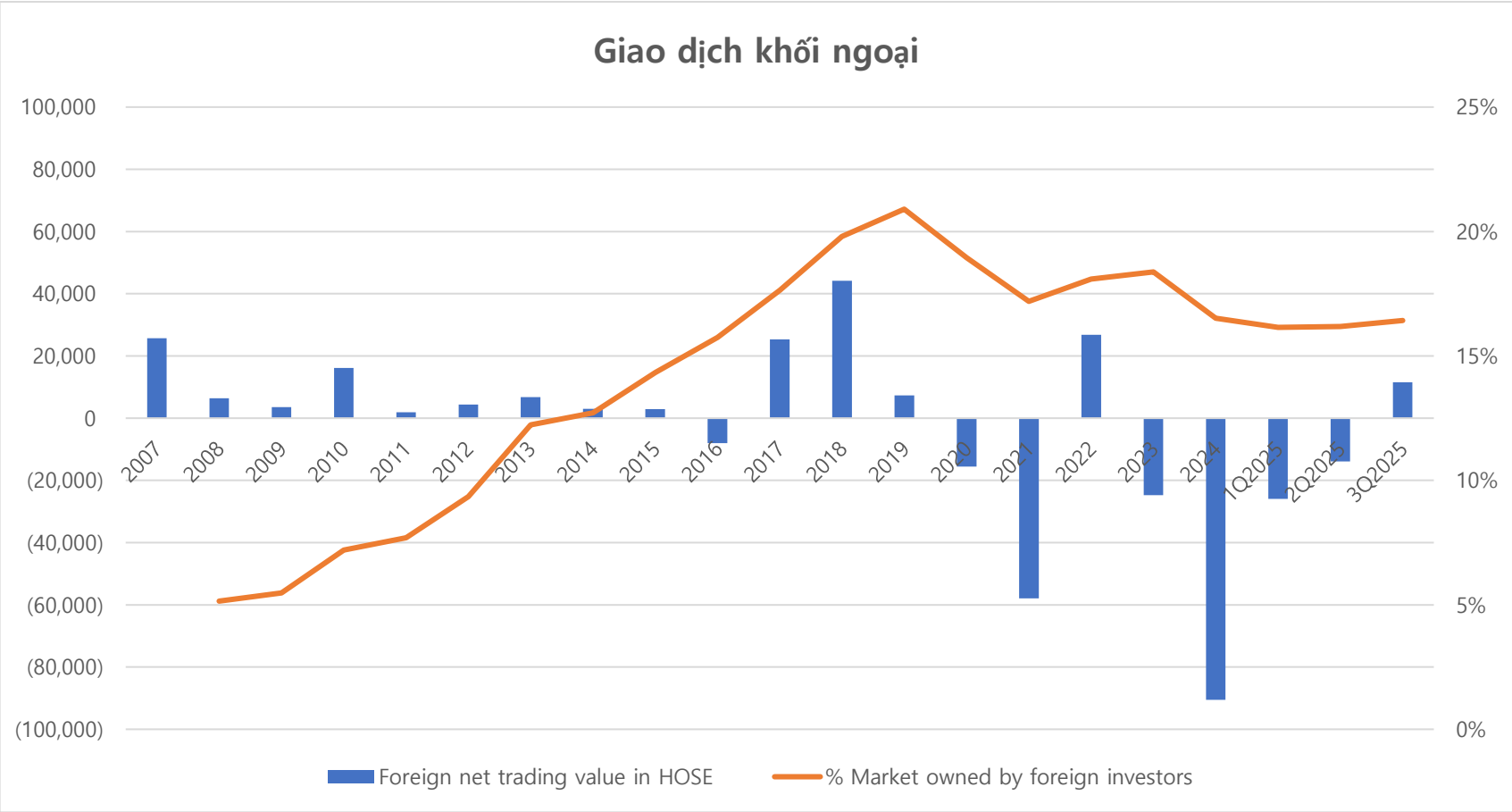
Shading indicates a rating change from September 2024

* Greece on the Watch List for possible reclassification from Advanced Emerging to Developed

** Vietnam on the Watch List for possible reclassification from Frontier to Secondary Emerging

Khối ngoại đã quay lại mua ròng 11,544 tỷ đến ngày 11/7

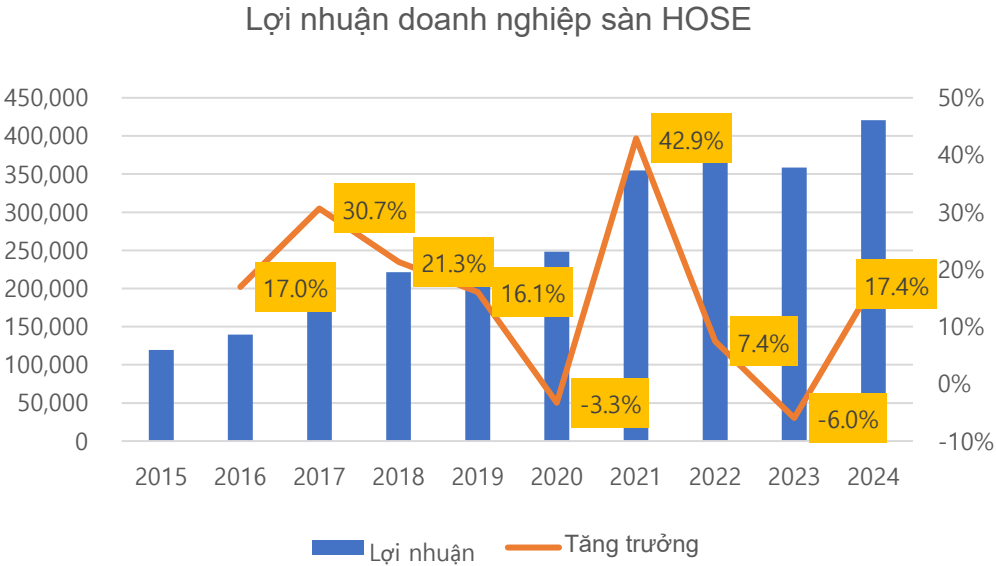
- Khối ngoại đã mua ròng **11,544 tỷ** chỉ trong 9 phiên giao dịch tháng 7/2025, sau thông tin thuế đối ứng với Mỹ được công bố



Top bán ròng		Top mua ròng	
FPT	(8,150,953)	MWG	2,688,375
VIC	(5,890,856)	HPG	1,739,025
VHM	(4,249,279)	VIX	1,635,281
VCB	(3,907,356)	VCI	1,334,646
VNM	(3,805,562)	VND	1,239,277
STB	(2,656,770)	NVL	1,226,661
TPB	(2,374,837)	EIB	1,100,241
FRT	(1,288,875)	SHB	1,017,224
DGC	(1,236,854)	HVN	882,453
SAB	(1,203,689)	TCH	813,589
HAH	(1,127,645)	DXG	773,846
HCM	(1,002,198)	GVR	756,234
VJC	(929,081)	DGW	565,326
GMD	(902,803)	APG	468,060
KDH	(835,687)	VGC	467,948
VHC	(756,575)	NLG	454,023
PVD	(725,289)	FUEVFN30	413,571
MSN	(626,417)	CTG	350,393
BID	(503,217)	VCG	323,864
BSI	(460,798)	GEX	289,490
SCS	(448,885)	SSI	284,436
E1VFN30	(381,325)	BVH	260,269
PTB	(354,543)	NAB	191,287
TLG	(327,064)	BMP	186,718
VRE	(322,000)	GAS	179,552

Lợi nhuận doanh nghiệp trên sàn HOSE tăng trưởng 17.4% năm 2024

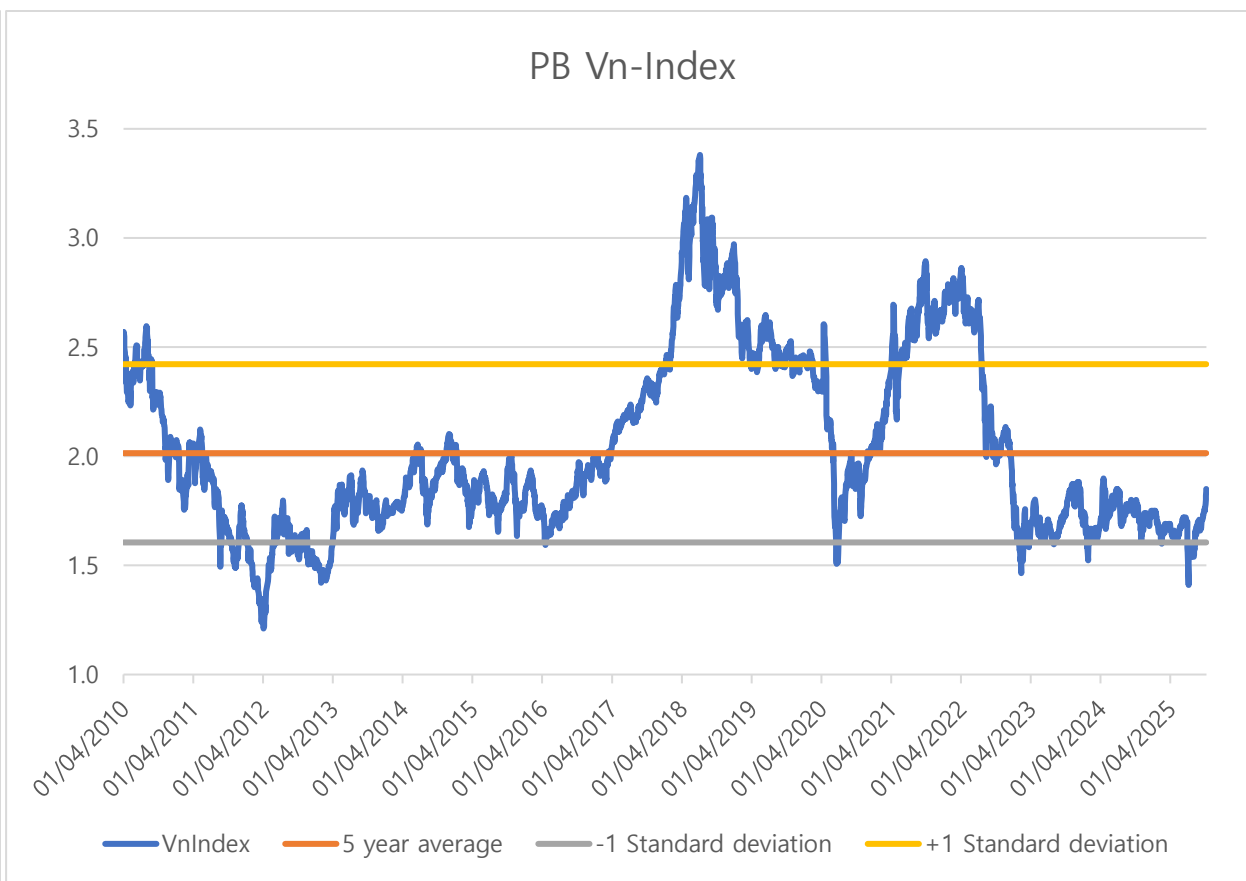
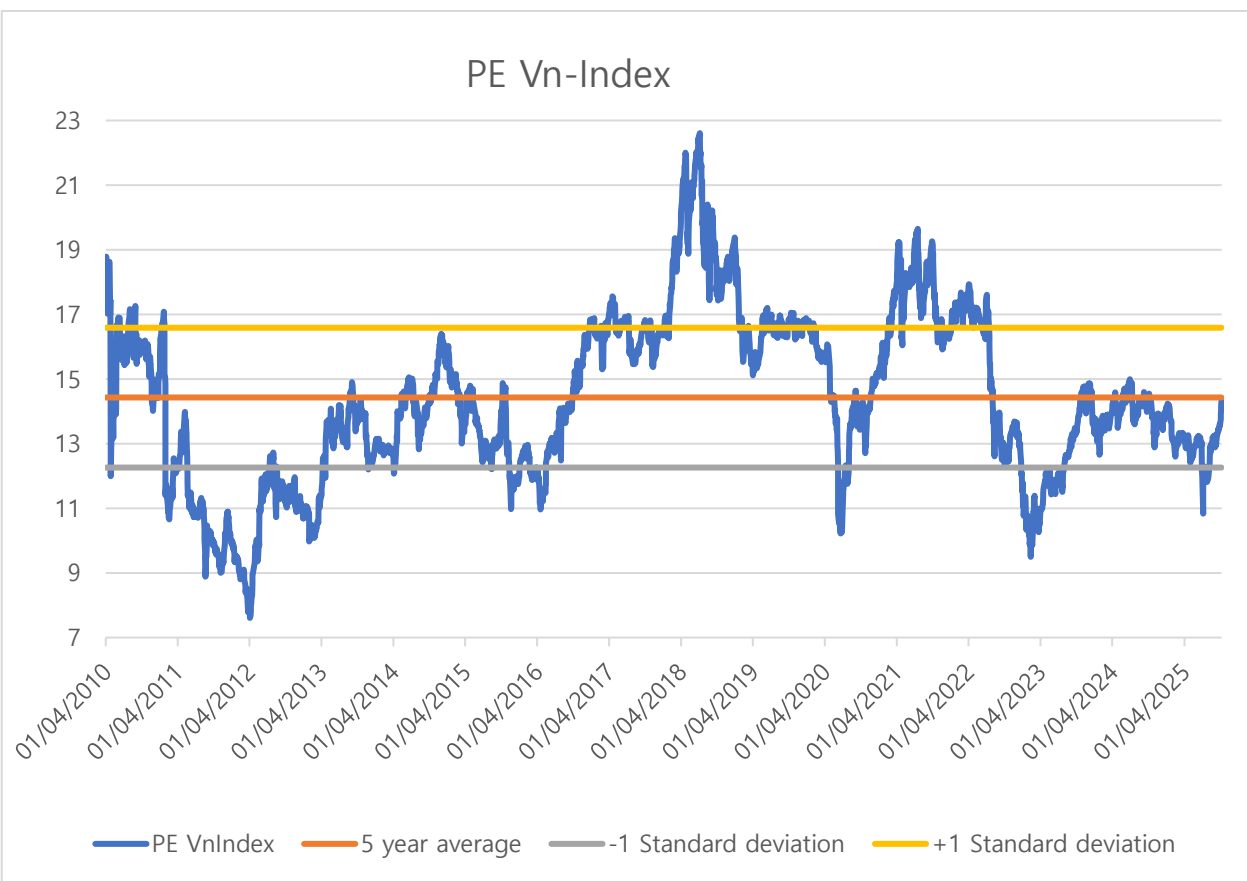
Nhiều nhóm ngành có mức tăng trưởng tốt là ngân hàng, bán lẻ (MWG FRT), bất động sản (VIC NVL), thép (HPG HSG NKG), VNM, MSN, bất động sản khu công nghiệp (KBC BCM)



Quý 1/2025		Doanh thu			LNST		
		Giá trị	YoY %	QoQ %	Giá trị	YoY %	QoQ %
Tài chính		143,452	112.5%	-5.0%	81,419	14.5%	-4.7%
	Ngân hàng				63,934	13.3%	-3.8%
	Dịch vụ tài chính	8,903	8.5%	4.6%	2,960	-4.0%	49.5%
	Bất động sản	120,315	163.4%	-5.7%	13,452	26.3%	-16.4%
	Bảo hiểm	14,234	4.5%	-4.3%	1,073	18.1%	22.9%
Phi tài chính		573,530	6.2%	-8.9%	33,043	0.9%	8.0%
	Bán lẻ	59,990	13.6%	1.0%	1,916	71.9%	60.4%
	Công nghệ Thông tin	20,862	23.3%	-8.4%	2,666	41.1%	9.5%
	Dầu khí	101,259	-5.9%	-7.8%	685	-71.2%	0.6%
	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62,824	12.5%	-4.4%	5,238	61.0%	34.6%
	Du lịch và Giải trí	52,306	8.3%	10.5%	4,306	-40.9%	130.4%
	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	39,405	13.0%	-17.7%	2,514	24.9%	-17.5%
	Hàng cá nhân & Gia dụng	18,970	-17.3%	-1.7%	1,251	-3.4%	-4.3%
	Hóa chất	29,845	24.7%	-9.8%	3,205	37.8%	-13.9%
	Ô tô và phụ tùng	11,845	23.3%	-29.0%	155	-42.4%	3.1%
	Tài nguyên Cơ bản	67,969	9.9%	-7.5%	4,008	5.3%	22.8%
	Thực phẩm và đồ uống	73,835	0.4%	-16.4%	4,765	3.0%	-20.5%
	Truyền thông	448	53.4%	-36.7%	24	47.1%	-73.0%
	Xây dựng và Vật liệu	28,684	8.0%	-26.1%	1,719	-9.0%	-25.9%
	Y tế	5,289	5.0%	-20.1%	590	-2.6%	-8.3%
Tổng cộng		716,982	18.0%	-8.2%	114,462	10.2%	-1.4%

Chỉ số định vốn còn rẻ - PB thấp hơn trung bình 5 năm

- PE PB Vn-Index hiện đang là 14.3 và 1.85 lần
- Tuy vậy, lãi suất đang thấp nhất lịch sử, do đó, PE PB xứng đáng nhận mức cao hơn trung bình



MỤC LỤC

1. Dự báo kinh tế 2025: Dồn toàn lực cho tăng trưởng
2. Kinh tế vĩ mô 1H2025: Tăng trưởng cao trên nền lãi suất thấp
3. Diễn biến các loại hình tài sản ở Việt Nam?
4. Triển vọng Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- 5. Khuyến nghị nhóm ngành và top cổ phiếu**

Chủ đề đầu tư năm 2025

STT	Chủ đề đầu tư	Ngành tiêu biểu	Cổ phiếu tiêu biểu
1	Chính sách tiền tệ nới lỏng – Lãi suất thấp, tăng trưởng tín dụng cao	Ngân hàng	VCB BID CTG TCB ACB VIB VPB TPB HDB MBB ACB
		Bất động sản	DXG DXS NLG KDH VHM
		Chứng khoán	HCM SSI VCI
		Thép	HPG
		Xây dựng	CTD VCG CTR
2	Đẩy mạnh đầu tư công	Thép	HPG
		Xây dựng	CTD VCG CTR
3	Nâng hạng thị trường	Cổ phiếu trong danh mục FTSE	HPG VHM MSN VNM VIC VCB SSI
		Chứng khoán	HCM SSI VCI
4	Nhóm bị khối ngoại bán mạnh trong năm 2024		VHM VIB MSN VRE HPG VPB VIC VNM
5	Nhóm tăng trưởng ổn định	Khu công nghiệp	BCM GVR PHR KBC
		Điện nước	PC1 HDG POW REE BWE

Top cổ phiếu được lựa chọn ngày 14/4

Ngành	Mã	% tăng (@15/7)	Lý do chính
Ngân hàng	CTG	16.8%	Tăng vốn 44.6%
	MBB	21.9%	Tăng vốn 33%
	TCB	41.2%	Cổ phần hóa TCBS và ngành BĐS hồi phục
Chứng khoán	HCM	11.2%	Tăng vốn, nâng hạng, KRX
	MBS	1.7%	Cơ cấu cổ đông cô đặc, nâng hạng, KRX
Thép	HPG	14.8%	Đầu tư công, bất động sản hồi phục
Xây dựng	VCG	40.9%	Đầu tư công, bất động sản hồi phục, và PE thấp hơn CTD
Bất động sản	VHM	118.5%	Cầu Tứ Liên khởi công ngày 19/5, khối ngoại giảm bán ròng, giá BĐS Hà Nội tăng rất mạnh
	DXG	45.0%	Đã hoàn thành chào bán 150 triệu cp, giá 12,000/cp
Điện nước	POW	14.2%	Dự kiến nhận bàn giao nhà máy Nhơn Trạch 3 4 vào tháng 6/2025 Tăng nhập LNG từ Mỹ sẽ giúp POW tăng sản lượng Có thể sẽ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
Hàng không	HVN	31.2%	Tăng vốn, giảm lãi suất, đầu tư máy bay để giảm thâm hụt thương mại Mỹ-VN
Trung bình		32.5%	
Trung bình (loại VHM)		23.9%	
Vn-Index		15.30%	

Top cổ phiếu được lựa chọn hiện tại năm 2025 và dài hạn

Ngành	Mã	Lý do chính
Ngân hàng	CTG	Tăng vốn 44.6%
	MBB	Tăng vốn 33%, tăng trưởng tín dụng cao nhờ tiếp nhận ngân hàng 0 đồng (OceanBank)
	TCB	Cổ phần hóa TCBS và ngành BĐS hồi phục
	TPB	Định giá hấp dẫn (PE 0.99), và các vấn đề sau vụ Chủ tịch TPB và vụ BCG sẽ dần qua đi
	VPB	Luật hóa nghị quyết 42 về thu giữ tài sản đảm bảo (các ngân hàng nợ xấu nội bảng và ngoại bảng cao hưởng lợi lớn)
	STB	- Hoàn tất đề án tái cơ cấu trong năm 2025, - Luật hóa nghị quyết 42 làm tiền đề giúp STB giải quyết nhanh các khoản nợ xấu đã tồn đọng nhiều năm (đã trích lập dự phòng toàn bộ) và mang lại khoản lợi nhuận bất thường
Chứng khoán	HCM	Tăng vốn, nâng hạng
	MBS	Cơ cấu cổ đông cô đặc, nâng hạng
Thép	HPG	Đầu tư công, bất động sản hồi phục
Xây dựng	VCG	Đầu tư công, bất động sản hồi phục, và PE thấp hơn CTD
Bất động sản	NTL	Giá bất động sản HN đang tăng rất cao, tình hình tài chính rất lành mạnh
	DXG	Đã hoàn thành chào bán 150 triệu cp, giá 12,000/cp
Điện nước	POW	- Nhà máy Nhơn Trạch 3 4 dự kiến vận hành thương mại vào tháng 8 và tháng 11/2025 - Tăng nhập LNG từ Mỹ sẽ giúp POW tăng sản lượng - Có thể sẽ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ - Kế hoạch chuyển đổi xe điện sang xe xăng sẽ có lợi cho các doanh nghiệp điện
Hàng không	HVN	Tăng vốn, giảm lãi suất, đầu tư máy bay để giảm thâm hụt thương mại Mỹ-VN, thoát lỗ lũy kế, được cấp margin trở lại
Dự án lớn	VIC	- Nếu trúng thầu dự án đường sắt Bắc - Nam - Kế hoạch cấm xe xăng có những động thái quyết liệt hơn nữa

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.